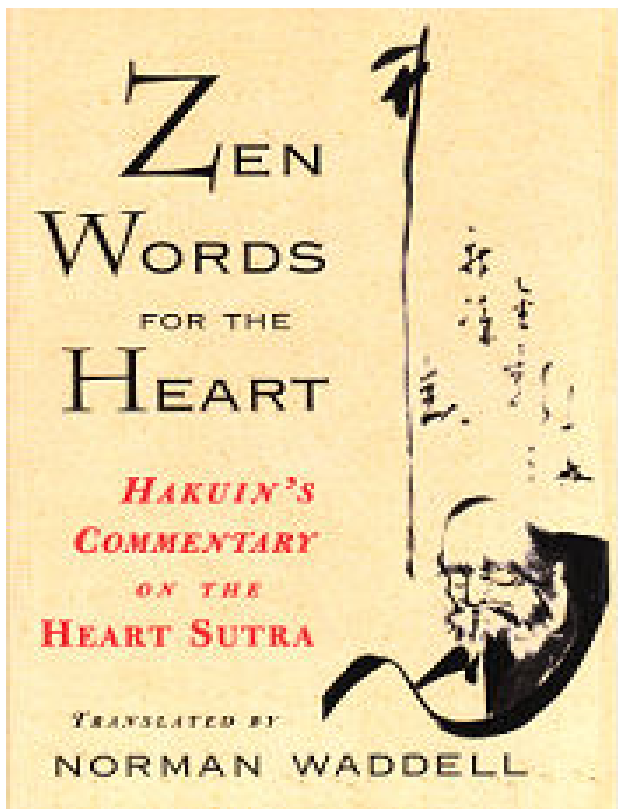


BẠCH ẨN HUỆ HẠC
Đỗ Đình Đồng dịch

ĐỘC NGŨ TÂM KINH

(Bạch Ẩn bình Tâm Kinh)



Nguyên tác: Dokugo Shingyō
Tác giả: Bạch Ẩn Huệ Hạc
Anh dịch: Norman Waddell
Việt dịch: Đồ Đình Đồng

Mục Lục

Lời người dịch,	6
Dẫn nhập của dịch giả bản tiếng Anh,	10
Độc Ngũ Tâm Kinh,	15
Bản văn Tâm Kinh,	109
Vài nét về tác giả, tác phẩm, và dịch giả bản tiếng Anh,	113
Thư Mục,	114



Bạch Ẩn – Chân dung tự họa

Cho Yoshie

Lời người dịch

Nói đến *Bát-nhã Tâm Kinh*, hay một cách ngắn gọn hơn, *Tâm Kinh*, thì đa số Phật tử theo các tông phái Phật giáo Đại thừa đều biết, tụng, niệm hay đọc thuộc lòng. Tùy theo căn cơ và công phu tu tập của người hành trì, mức độ thâm nhập và cái hiểu của họ có khác nhau. Có người niệm nó như một thần chú xua đuổi tà ma, tiêu trừ nỗi sợ hãi và sự đau đớn trong cơn hoạn nạn của mình. Có người hành trì nó để làm rộng lặng tâm mình và thấy tánh không của tâm hay tự tánh mình. Nói chung, nó được đọc tụng trong các chùa hay tự viện của nhiều tông phái Phật giáo Đại thừa.

Có thể nói *Tâm Kinh* bản kinh ngắn gọn nhất do Pháp sư Huyền Trang dịch (năm 694) gồm hai trăm bảy mươi chữ Hán, là bản tóm lược tinh yếu nhưng đầy đủ của Kinh hệ Bát-nhã, là bản văn phổ biến nhất. *Tâm Kinh* đã được dịch sang nhiều thứ tiếng ở châu Á và rồi sau này sang các ngôn ngữ châu Âu và châu Mỹ, chủ yếu từ bản dịch chữ Hán của Pháp sư Huyền Trang.

Các dịch giả tin vào tri kiến của mình mà dịch *Tâm Kinh* theo cách họ hiểu. Vào thế kỷ 13, Thiền sư Đạo Nguyên Hy Huyền (Dogen Kigen, 1200-1253), khai tổ của Phật giáo Thiền Tào Động Nhật Bản cũng đã dịch *Tâm Kinh* sang tiếng Nhật theo phong cách của sư và nó chiếm vị trí thứ nhì, theo thời gian sáng tác, sau bài “Biện Đạo Thoại” ở đầu pho sách quan trọng của mình, *Chánh Pháp Nhãn Tạng* (Shobo Genzo). Vào năm 1987, trong một khóa nhập thất gồm khoảng năm sáu chục hành giả ở một thung lũng của núi Los Padres Mountains thuộc Ojai, bang

California, Hoa Kỳ, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh đã công hiến bản dịch mới và những lời bình bằng tiếng Anh về Tâm Kinh theo phong cách của Hòa thượng. Bản dịch và những lời bình ấy đã được Peter Levitt biên tập trong quyển *The Heart of Understanding, Commentaries on the Prajñāparamita Heart Sutra* và nhà Parallax Press xuất bản năm 1988 tại Hoa Kỳ. Vào năm 2002, Kazuaki Tanahashi và Joan Halifax đã dịch Tâm Kinh sang tiếng Anh từ bản chữ Hán của Pháp sư Huyền Trang và họ gọi bản dịch của mình là “A New Translation” (Bản Dịch Mới) in trong quyển *The Heart Sutra, A Comprehensive Guide to the Classic of Mahayana Buddhism* do nhà Shambhala Publications, Inc. xuất bản năm 2014 tại Hoa Kỳ.

Các nhà nghiên cứu Tâm Kinh thì đi sâu về mặt xuất xứ của nguyên tác hay truy tìm nguyên tác Phạn ngữ mà đến nay vẫn chưa tìm được vì họ không chấp nhận lời dịch Tâm Kinh trong *Luận Đại Trí Độ* (năm 406) của Pháp sư Cưu-ma-la-thập vì nó không thật trùng khớp với bản dịch đã được công nhận là của Pháp sư Huyền Trang và hơn nữa nguyên tác Phạn ngữ của *Luận Đại Trí Độ* cũng đang thất lạc, hoặc sự khác nhau của các bản dịch, bản ngắn gọn hay bản dài hơn. Thậm chí, có người gợi ý rằng bản văn Phạn ngữ của Tâm Kinh có thể là bản dịch ngược từ chữ Hán sang chữ Phạn và Tâm Kinh là tác phẩm của một tác giả vô danh nào đó của Trung Hoa đã trao cho Huyền Trang khi sư trên đường sang Thiên Trúc thỉnh kinh¹.

¹ Vào năm 1992, Jan Nattier, giáo sư Đại học Indiana University, Hoa Kỳ, đã xuất bản một bài nghiên cứu về Tâm Kinh gây chấn động, nhan đề “*The Heart Sutra: A*

Trong tập sách này, *Độc Ngữ Tâm Kinh* (Dokugo Shingyō), Thiền sư Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku, 1686-1768), một trong những Thiền sư quan trọng nhất của Nhật Bản thời cận đại, người phục hưng dòng Thiền Lâm Tế ở Nhật, đã phương tiện bình Tâm Kinh theo ngôn ngữ và phong cách riêng của sư để giúp hành giả chứng ngộ tánh không như chính Tâm Kinh đã dạy.

Bản Việt ngữ của *Độc Ngữ Tâm Kinh* này được chúng tôi dịch từ bản dịch tiếng Anh *Zen Words for the Heart: Hakuin's Commentary on the the Heart Sutra* của giáo sư Norman Waddell thuộc bộ phận Nghiên Cứu Quốc Tế của Đại Học Otani ở Kyoto, Nhật Bản, do nhà Shambhala Publications, Inc. xuất bản năm 1996 tại Hoa Kỳ. Một cách cụ thể hơn khi dịch, chúng tôi đã dựa theo bản chữ Hán của Pháp sư Huyền Trang kết hợp với bản dịch tiếng Anh của giáo sư Norman Waddell. Về việc Thiền sư Bạch Ẩn đã dùng bản văn chữ Hán nào để bình thì chính sư cũng như dịch giả bản dịch tiếng Anh không nói rõ. Trong một câu kệ khi bình, sư chỉ nói, “Cưu-ma-la-thập không lời để dịch” cùng với một chi tiết khác mà sư cảnh báo độc giả về sự “tam sao thất bản” của bản văn. Nhưng trong quá trình dịch thuật, người dịch thấy bản dịch tiếng Anh của giáo sư Norman Waddell hầu như là dịch từ bản văn chữ Hán của Pháp sư Huyền Trang. (Xem toàn văn các bản Hán, Anh, Việt ở cuối sách). Những tranh vẽ và thư pháp trong tập sách là của Thiền sư Bạch Ẩn, và tất cả những chú giải là của dịch giả bản tiếng Anh, giáo sư Norman Waddell.

Chinese Apocryphal Text?” đã đề xuất ý kiến trên. Xem *The Heart Sutra* của Kazuaki Tanahashi, các trang 73- 6.

Tập sách nhỏ này, *Độc Ngũ Tâm Kinh*, cũng là Quyển Mười (Book Ten) trong bộ ngũ lục gồm mười một quyển là *Kinh Tòng Độc Nhị* (Keisō Dokuzui) của Thiền sư Bạch Ẩn Huệ Hạc, cũng do giáo sư Norman Waddell dịch sang tiếng Anh, với nhan đề “Complete Poison Blossoms from Thicket of Thorn” mà nếu có dịp người sẽ giới thiệu toàn bộ tác phẩm với độc giả.

Như thường lệ, người dịch tự biết lời dịch của mình không thể đạt đến mức toàn hảo dù đã cố gắng nhiều, nghĩa là dịch còn sai sót và diễn đạt còn vụng về, mong các bậc cao minh rộng lượng chỉ bảo cho. Xin đa tạ.

Frederick, mùa lạnh đầu năm 2018
Đỗ Đình Đồng

Dẫn Nhập của Dịch Giả Bản Tiếng Anh

*Đuôi Rùa Thiêng quét sạch dấu vết rùa.
Nhưng làm sao cái đuôi không để lại
dấu vết của chính nó?*

Độc Ngữ Tâm Kinh (Nh.: Dokugo Shingyō) là lời bình về *Tâm Kinh* của nhà sư Nhật Bản tên là Bạch Ẩn Huệ Hạc (Nh.: Hakuin Ekaku, 1686-1768). Nó là kết quả của sự kết hợp giữa một trong những bậc đại sư của lịch sử Thiền với một kinh được nhiều người xếp vào hàng những tài liệu cao cả nhất về tâm linh nhân loại.

Lời bình của Bạch Ẩn phần lớn, nếu không phải là toàn bộ, đến từ những bài pháp sư đã thuyết về *Tâm Kinh* ở một hội chúng tu tập tổ chức vào mùa đông năm 1744 ở một ngôi chùa miền quê của tỉnh Kai (nay là phủ Yamanashi, gần núi Fuji (Phú Sĩ)).² Bạch Ẩn ở đỉnh cao của sự nghiệp giảng dạy của sư ở tuổi sáu mươi. Những lời bình của sư về các khái niệm trọng yếu về trí tuệ, tánh không, tâm, và những cái khác nện vào các chủ đề tâm điểm của kinh nghiệm Phật giáo. Sư chuyển vận những khái niệm đó theo phong cách không thể mô phỏng được, trực tiếp từ cội nguồn, với sự kịch liệt có tính toán để tổng khứ những giả định và dự tưởng cứng ngắc trong tâm người học và khiến họ không tìm sự tự tri sâu hơn trong u huyền mà là hằng loạt những phủ định trừu tượng kinh ấy cống hiến.

² Trong bài kệ cuối (trang 108), Bạch Ẩn tuyên bố rằng tác phẩm ấy đã hoàn tất, và đã được in, vào năm 1744 (Năm Diên Hưởng thứ nhất). Vì không một bản in nào còn tồn tại, nên không có cách nào để biết bản văn đó có đồng nhất với bản văn hiện tại hay không. Có thể nó là một phiên bản có sớm hơn.

Giống như ba mươi tác phẩm hoặc khoảng đó khiến cho *bát-nhã*, hay trí tuệ, gia đình kinh điển, giáo lý trong *Tâm Kinh* tập trung vào giáo thuyết nền tảng của Phật giáo về *shunyata* hay tánh không. Mặc dù là một trong những tác phẩm ngắn nhất trong đại tạng Phật giáo, kinh này được cho là hiện thân trong hai trăm bảy chục chữ Hán – bản văn ít hơn một trang – tâm hay tánh của triết lý Bát-nhã được phát triển phong phú và có tiếng vang to lớn trong các kinh cùng chung nguồn gốc như là *Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa*, một tác phẩm đồ sộ tăng thêm qui mô cho chủ đề trí tuệ gồm sáu trăm quyển.

Qua hàng thế kỷ, *Tâm Kinh* là bản văn tôn giáo được dùng phổ biến và rộng rãi nhất ở toàn bộ Đông Á. Sự thực, nó được tụng vào mọi dịp trong Thiền tông cũng như trong đa số các tông phái Phật giáo khác. Chỉ có ít người theo Phật giáo không thể tụng nó thuộc lòng.

Giáo lý của kinh này do Bồ-tát Quán Tự Tại (Nh.: Kanjizai) thuyết giảng. Bồ-tát này, một trong những hình ảnh phổ biến nhất trong Phật giáo Đại thừa (Mahayana), có lẽ được biết đến nhiều hơn ở phương Tây bằng tên chữ Phạn (Sanskrit) là Avalokiteshvara, chữ Hán là Kuanyin (Quan Âm). Bồ-tát này thuyết giảng do yêu cầu của tôn giả Xá-lợi-phất (Ph.: Shariputra), người nổi tiếng là trí tuệ đệ nhất trong các đệ tử của Phật. Xá-lợi-phất tiêu biểu cho các giáo lý của bậc thánh hay A-la-hán, đệ tử lý tưởng của Phật giáo “Tiểu thừa” hay truyền thống Hinayana xuất hiện sau khi Phật diệt độ và thịnh phát trước khi giáo lý Đại thừa xuất hiện.

Khi nêu ra những điểm cốt yếu của *bát-nhã ba-la-mật-đa*, “trí tuệ đến bờ bên kia,” Bồ-tát này tiết lộ với Xá-lợi-

phát làm sao đạt trí tuệ và đến “bờ bên kia” của niết-bàn qua quá trình phủ định theo chiều hướng toàn thể hiện hữu và toàn bộ những khẳng quyết về hiện hữu, gồm cả những giáo nghĩa kinh điển của Phật giáo, được trình bày là không và không có bản chất.

Tâm Kinh có thể đã được sáng tác ở Ấn Độ khoảng một nghìn năm trăm năm qua và được dịch sang chữ Hán không lâu sau đó. Từ đó nó đã được giải thích và biện minh vô số lần. Chỉ riêng ở Nhật Bản, những bình luận cũng đã đến hàng trăm, từ những giảng giải giáo biện về triết học Phật giáo đến những luận văn tôn giáo đơn giản cho tín đồ. Một cách tổng quát, dù vậy tất cả đều cố gắng nói ra những khẳng quyết ngắn gọn của kinh ấy cùng với những dòng nhiều ít hợp lý. Sự lôi cuốn đầu tiên là đối với lý trí. Ngay cả những tăng nhân nổi tiếng là thực tế và quyết đoán nhất dường như cũng có chút ít tính cách qui ước và lịch sự, có tính cách Phật giáo hơn là Thiên, so với thái độ sắc bén và cấp tiến, mà Bạch Ẩn đã đem lại cho bản văn làm lung lay tất cả.

Phẩm tính này, đi đôi với bút pháp sống động, nghịch lý tạo nên đặc tính nửa đùa – nhưng hoàn toàn nghiêm túc – của Bạch Ẩn đem lại danh tiếng cho tác phẩm như là một trong những tác phẩm kinh điển của Thiên Nhật Bản. Từ khi bản in lần đầu tiên xuất hiện vào giữa thế kỷ mười tám nó là bản văn tiêu chuẩn trong các tự viện, nơi các sư dùng nó kết hợp với các bài *đề xướng* (teishō) Thiên, các bài pháp, để tăng thêm hiệu quả như là một trợ giúp thực hành cho tu luyện.

Nhan đề riêng của Bạch Ẩn đặt cho tác phẩm, *Dokugo Shingyō* (Độc Ngữ Tâm Kinh), dịch sang tiếng Anh là

“Poison Words for the Heart” (Lời Độc cho Tâm). Sự tu tập theo phương pháp bám vào những lời bình châm chọc, châm chích bằng văn xuôi và kệ với ngữ và cú của các kinh và những bản văn khác của Phật giáo là một truyền thống trong giới Thiền sư ít nhất cũng từ triều đại nhà Tống. Những thí dụ nổi tiếng nhất thuộc thể loại này—*Bích Nham Lục* và *Vô Môn Quan*—đã được sáng tác vào thời ấy. Ở Nhật Bản, nơi truyền thống kệ trước ngữ trở lại hầu như cũng xa như vậy, Bạch Ẩn đã được công nhận một cách rộng rãi như là một trong người chú giải vĩ đại nhất của nghệ thuật ấy. Độc tính chất độc của sư đã trở thành ngạn ngữ trong giới những người theo tông môn sư. Một giọt, người ta nói, ngay cả một chữ thôi, cũng có thể là chết người, hủy diệt vũ trụ và mọi thứ chứa trong nó. Tuy nhiên, họ nhanh chóng giải thích làm sao nó tác dụng như một liều thuốc mạnh, bơm sức sống tinh thần vào văn tự chết của kinh như thế chúng sẽ có tác dụng cho người học thay vì chống lại họ, và làm sao người thầy luôn luôn phân phát một cách hà tiện với bàn tay thương yêu, một hành động từ bi sâu xa nhất. Bạch Ẩn đã biết từ cuộc chiến đấu vì đạo của riêng sư rằng ấy chỉ qua kinh nghiệm những gì Thiền gọi là “đại tử” mà người học có thể hiện ra trong cuộc đại sinh nằm bên kia.

Hơn nửa thế kỷ vừa qua, nhiều Thiền sư Lâm Tế đã sản sinh những bình luận về *Độc Ngữ Tâm Kinh*. Những tác phẩm của họ minh giải những cái khó trong bản văn của Bạch Ẩn cho người học Thiền của các thế hệ mới, những người vì sự suy đồi nhanh chóng trong các ngành học Trung Hoa, không còn bảo thủ với các bản văn truyền

thống phong cách Trung Hoa. Tôi liệt kê dưới đây những tác phẩm đặc biệt hữu ích đối với tôi trong việc dịch lời bình của Bạch Ẩn. Chúng đã khiến cho công việc có thể làm được, nếu không, tôi không nghĩ rằng có thể thực hiện được. Những chú giải kông kên trong các chú thích được tập hợp lại, một cách tự do và thường xuyên, từ các trang – một biên tập thực sự, theo nghĩa của từ *pillage* trong tiếng La-tin.

Một bản dịch thuộc loại này công hiến những khả hữu to lớn cho sự chú giải. Làm việc theo nguyên tắc bất cứ điều gì nói đến ý nghĩa của Bạch Ẩn thường hạn chế nó, và sự hướng dẫn đi qua luận giải của Bạch Ẩn an toàn nhất là chính Bạch Ẩn, tôi đã cố gắng giữ loại chú thích đó ở mức tối thiểu. Tôi quan tâm đến sự nhận diện nhiều ẩn ngữ và cung cấp tin tức bối cảnh cho tài liệu dật sử mà tác phẩm liên hệ hơn.

NGUỒN:

1. *Dokugo shinyō kanwa*, Kawajiri Hōgin, 1908
2. *Dokugo shingyō*, Sugawara Jiho, 1920
3. *Dokugo shingyō*, Gotō Zuigan, 1940
4. *Dokugo shingyō*, Shibayama Zenkei, 1958
5. *Dokugo shingyō kōwa*, Yamada Mumon, 1981

ĐỘC NGŨ TÂM KINH

Bạch Ẩn viết
Đói và Lạnh hiệu đính
Lạnh và Đói duyệt



Bồ-tát Quan Âm

Nhận Định Mở Đầu của Bạch Ẩn về Trước Ngũ và Kệ

Lão tâm phào mù ở dưới cái hang tối dày đặc sản bìm bò chẳng chịt như mê cung. Lão trở lại và ngồi trần truồng trong cỏ. Thương thay cho Thầy Phù đáng thương. Thầy sắp mất tất cả những lâu đài xinh đẹp. Và đừng nói những lời này lạnh lùng vô cảm, rằng chúng vô vị. Một cái bụng no loại bỏ cơn đói cho đến lúc hết.

Ném một rừng gai qua đại thiên thể giới
Lão cuốn hết tầng nhân trong rối rắm trần gian.
Tôi hy vọng ông tìm được con đường giải thoát
Và tự vui với đấng hăng trong sợi nhựa sen.

CHÚ THÍCH:

Bên cạnh sự đưa ra lập trường căn bản Thiền của Bạch Ẩn, những nhận định mở đầu này về “trước ngũ” và kệ ám chỉ cách mà “độc” của chúng tác dụng giúp đưa người học đến sự đạt chân trí tuệ hay giác ngộ.

Lão tâm phào mù ám chỉ Bồ-tát Quán Tự Tại (Kanjizai), người thuyết giảng kinh ấy, nhưng cũng ám chỉ chính Bạch Ẩn, là tác giả của các trước ngũ và kệ.

Sản bìm bò chẳng chịt chỉ những phức tạp của lời nói và cái hiểu có tính cách khái niệm. Không thể tự đứng

được, chúng bao bọc và bó chặt chân trí tuệ và ngăn ngừa nó làm việc tự do. Bên dưới những lời thô cứng ấy gọi lên vai trò đúng đắn của vị Bồ-tát, người để lại tính chân như trần trụi của sự giác ngộ của riêng mình và không bị các thức ám chướng khuấy rầy, thuyết giảng cho chúng sinh trong thế giới tương đối (*cỏ*). Về sự mù của ngài, một Thiền sư Lâm Tế thời hiện đại Sugawara Jiho nói, “Không bị mù, chúng ta thấy núi, sông, đàn ông và đàn bà, và những vật khác, và nghĩ điều này cho chúng ta một loại tự do nào đó, trong khi trong thực tế nó là nguyên nhân của không tự do.... Các bậc đại sư Phật giáo trong quá khứ là những người tiến tới để trở thành những người mù.”

Thầy Phó đáng thương là Phó Đại Sĩ, cư sĩ nổi tiếng của Phật giáo Trung Hoa thời kỳ đầu, được xem là hóa thân của Di Lặc, vị Phật vị lai. Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Di Lặc được miêu tả trú trong những lâu đài giác ngộ nạm ngọc huy hoàng ngài sáng tạo ở trời Đâu-suất. Trí bát-nhã được xiển dương trong kinh này, và ở việc làm trong các lời bình của riêng Bạch Ẩn, phủ định mọi vật trong vũ trụ; không gì trốn thoát được, không phải chỗ trú của chúng sinh bị giam hãm trong tự ngã của họ, cũng không phải là vũ trụ giác ngộ của Di Lặc.

Sợi nhựa sen, hiện ra khi rễ sen bị cắt, thì đẹp, những sợi nhỏ giống như sợi chỉ tạo thành từ chất nhờn ứa ra từ bề mặt bị cắt.

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh
(Mahaprajnaparamita Hridaya Sutra)



Maha (Đại)

Ma-ha

Người Trung Hoa dịch chữ này là “đại.” Nhưng nó như thế nào? Không một vật nào trong vũ trụ mà ông có thể so sánh với nó. Đa số người ta nghĩ nó có nghĩa là lớn và mệnh mông. *Sai! Sai!* Ngay cả Người Quân Tử cũng yêu mến sự giàu có, nhưng người ấy biết cách đúng đắn để được nó. Hãy mang cái *tiểu* trí tuệ lại cho tôi!

Một tỷ núi Tu-di trong giọt sương trên sợi tóc,
Ba ngàn thế giới trong đốm bọt trên biển khơi;
Một cặp thanh niên trong mắt con mòng nhỏ bé
đùa với thế gian không bao giờ ngừng.

CHÚ THÍCH:

Ở đây và trong bốn đoạn kế, Bạch Ẩn bình các chữ trong nhan đề của kinh.

Ngay cả Người Quân Tử cũng yêu mến sự giàu có, nhưng ông ấy biết cách đúng đắn để được nó. Đối với Người Quân Tử, (thuật ngữ Không giáo ở đây có nghĩa là Bồ-tát), trí tuệ là sự giàu có duy nhất.

Núi Tu-di (Sumeru) là núi được cho là đứng ở trung tâm thế giới. *Ba ngàn thế giới* tạo nên toàn thể vũ trụ.

Con mòng nhỏ bé (midge) là con *chiao-ming* (tiểu mòng), một thứ côn trùng vô cùng nhỏ bé mà vũ trụ của nó là cái bao nang lông trong lông mày của con muỗi.

Bát-nhã

Họ dịch chữ này là “trí tuệ.” Tất cả mọi người đều có nó. Không ai ngoại lệ. Nó hoàn toàn không tì vết trong mỗi chúng ta. Lão ấy bày trò làm ra những cái bánh bunn như vậy. Khi nào lão mới dừng lại? Ông không bao giờ thấy nó cho đến khi nào ông buông tay vách đá. Vì sao? Chớ cắt móng tay ở dưới chân đèn. Ông có thể dùng con sâu đo để đo dài ngắn, nhưng đừng bảo con ốc sên cày rẫy đá.

Tai như điếc. Mắt như mù.
 Hư không tự biến mất vào nửa đêm.
 Ngay cả Xá-lợi-phất cũng không đẹp.
 Tên Hồ vẹo chân đi qua ở bên khác.

CHÚ THÍCH:

Chớ cắt móng tay ở dưới chân đèn. Câu nói phổ thông của người Nhật Bản được giải thích nhiều cách khác nhau khá rối rắm. Người ta nói đó là sở thích của Chánh Thọ Lão Nhân (Shōju Rōnin), thầy của Bạch Ẩn. Ở đây có thể nói là nó cảnh báo người học đối với sự nói lỏng những nỗ lực khi họ cố gắng hướng đến chứng ngộ.

Ông có thể dùng con sâu đo để đo dài ngắn. Cho một con sâu đo hay “loài sâu đo” đo độ dài khi nó gập cong đi tới, một con ốc sên (với sừng, có vẻ giống như con bò đực) không thể cày rầy đất. Đừng đòi hỏi chuyện không thể làm được.

Xá-lợi-phát là trí tuệ đệ nhất trong những người theo Phật. *Tâm Kinh* được thuyết giảng do thỉnh cầu của vị tôn giả này.

Tên Hồ (Persian: người Ba-tư) *vẹo chân đi qua ở bên khác.* Khi Quan Âm giải thích trí tuệ, trí tuệ đi mất lâu rồi.

Ba-la-mật-đa

Chữ Hán cho từ này có nghĩa là “đáo bỉ ngạn” (đến bờ bên kia). Nhưng bờ đó ở đâu? Lão ấy đang tự mình đào một cái lỗ để đến trời xanh. Lũ tôm luôn lách và nhảy, nhưng chúng không thể trốn được con chim bói cá. Chỗ Kho Tàng nằm thì gần ngay bàn tay. Hãy bước một bước nữa! Sư Tạ (Hsieh) ngồi trên thuyền vớt nước sợi dây câu. Ngay cả ông tăng mắt sáng nhất cũng bị phiền một cách bí mật.

Trần gian có kẻ thuộc về “bờ bên này” không?

Buồn thay đứng nhàm trên bến tàu sóng vỗ.

Theo đuổi sự sống với rẽ chưa bị cắt đứt, tu tập

Vẫn còn cuộc chiến vô ích, dù nó kéo dài bao lâu.

CHÚ THÍCH:

Các *Ba-la-mật-đa* là những pháp tu mà các Bồ-tát thực hiện để tránh sự đau khổ của “bờ bên này” và đến cõi Niết-bàn giác ngộ hay cảnh giới Phật ở “bờ bên kia.” Sự thực, bờ bên kia *là* bờ bên này, mà một người có thể đạt được chỉ bằng cách lãnh hội Tánh Phật bên trong.

Sư Tà ngồi trên thuyền vớt nước sợi dây câu. Tà là tên họ của Thiền sư Huyền Sa Sư Bị (Hsuansha Shihpei) thế kỷ thứ chín, người đã sống như một người câu cá trước khi đi vào đời sống đạo. Sự vô ích của những nỗ lực của sư vớt nước sợi dây câu gợi ý hành vi không mục đích của các Bồ-tát vì các ngài hiến mình giúp chúng sinh qua bờ bên kia. Sự hiến mình như thế chỉ khả hữu khi siêu việt các cặp nhị nguyên bắt và không bắt, bờ này và bờ kia. Trước mặt sự đạt được sâu xa như thế, ngay cả những tăng nhân giác ngộ nhất cũng không thể nào tránh khỏi cảm giác không thỏa đáng.

Tâm

Trong các thời đại không ai nói đến, nó không có tên. Rồi họ sai lầm ngớ ngẩn đã cho nó một cái tên. Khi nó bay vào mắt ông, dù là mặt vàng nó cũng sẽ làm ông mù. Ngọc Như ý (Mani) cũng chỉ là một sự làm bản Pháp (Dharma) khác. *Ôi nó là cái gì!* Đa số người ta chỉ nghĩ họ có vật thật, như người nhầm lẫn tấm yên ngựa còn lại là xương hàm của cha mình. Lý do những người cầu Đạo vẫn không

ý thức về thực tướng của nó chỉ vì ngay từ đầu họ chấp nhận tất cả những phân biệt của họ là thật. Những gì là nguồn gốc của sinh và tử từ khởi thủy, song những người ngu gọi chúng là “bổn lai nhân.”

Rõ ràng nó không thể có được trong Ba Giới.
 Hư không được quét sạch. Không sót một vi trần.
 Trên chỗ ngồi thiền, trong tĩnh chết của đêm đen,
 lạnh như thép.
 Ánh trăng qua cửa sổ, sáng những bóng hoa mai!

CHÚ THÍCH:

Rõ ràng nó không thể có được trong Ba Giới. Ba Giới là các giới quá khứ, hiện tại, và vị lai. Vì vậy không bao giờ, không bất cứ thời gian nào.

Kinh

“Nhu vậy tôi nghe. Một thời Phật...” *Phù!* Ai muốn mở cái đó ra! Đa số người ta lục tìm “những quyển kinh vàng và đỏ trong các đồng rác vô dụng. Chỉ bút đi một mầm khác của củ hoa súng.

Đây là một kinh không kết tập
 Bên trong hang động ở Pippali.

Cưu-ma-la-thập không lời để dịch,
 A-nan không thể ngờ.
 Ở cửa sổ phía bắc,
 những luồng gió giá băng hú qua các khe hở,
 Ở cái ao phía nam,
 ngỗng trời gập mình lại trong những cây sậy tuyết.
 Ở trên, trăng núi bị cào mỏng đi với lạnh,
 Mây đóng băng đe dọa lao xuống từ bầu trời.
 Chư Phật có thể xuống thế gian này đến hằng ngàn,
 Các ngài không thể thêm vào hay bớt đi một vật.

CHÚ THÍCH:

Như vậy tôi nghe. Một thời Phật. Cách mở đầu truyền thống của các kinh Phật giáo.

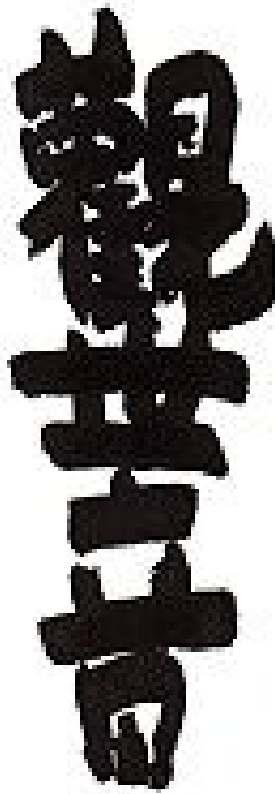
Chỉ bút đi một mầm. Củ hoa súng được cấu tạo bằng một số củ nhỏ hơn hay mầm, và không có ruột thực, nó là những mầm tạo nên. Tìm Trí tuệ bằng cách đọc hết kinh này đến kinh khác, Bạch Ẩn nói, thì giống như bút các mầm của củ hoa súng, tìm ruột của nó.

Cưu-ma-la-thập là một nhà sư Trung Á nổi tiếng vì những bản dịch của sư về các kinh Phật giáo sang chữ Hán, một trong những bản dịch ấy được dùng rộng rãi là *Tâm Kinh*.

A-nan là đệ tử của Phật nổi tiếng là nghe và nhớ tất cả những lời dạy của Phật trong lúc ngài ở thế gian này. A-

nan đóng một vai trò quan trọng trong cuộc kết tập các kinh lần thứ nhất, người ta nói là đã xảy ra trong động Pippali ở trung Ấn Độ.

*Khi Bồ-tát Quán Tự Tại vào sâu Bát-nhã
Ba-la-mật-đa, lúc ấy ngài quán thấy năm
uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách.*



Quan Âm

Một cái tên tạm thời, chỉ thế thôi. Nó giúp phân biệt ông ấy với Thanh Văn và Độc Giác. Cũng như với các Phật đã thành tựu viên mãn. Ông ấy đang trên đường nhưng chưa ra khỏi nhà. Ông ấy luôn luôn rời nhà, nhưng chưa bao giờ ở trên đường. Tôi sắp giựt lấy của ông ấy sự tu tập Bốn Lối Nguyên Lớn. Chính điều khiến ông trở thành Người Quân Tử làm cho tất cả tám đường khả thể.

Siêu việt cái hang vô tướng của tánh không cá nhân,
Ngài nhập vào các biển tung lên phiền não trong
biển nghiệp lớn.

Kính lễ Bạc Đại Bi, người mang đi sự khổ của
chúng con

Trong trăm triệu sắc tướng qua không gian và thời
gian vô biên.

CHÚ THÍCH:

Đối với Bạch Ân, *Thanh Văn* và *Độc Giác*, những người tìm giác ngộ cho chính họ nhưng không tạo một nỗ lực nào dạy người khác, tiêu biểu cho kiểu tu tập mà sự xem là không đầy đủ và thấp hơn kiểu tu tập của Bồ-tát Đại thừa, người cố gắng hướng đến cảnh giới Phật nhưng vì bi tâm trợ giúp người khác cũng đạt ngộ.

Các Bồ-tát tự thị hiện trong nhiều sắc tướng vô cùng khác nhau đáp ứng các nhu cầu của chúng sinh đau khổ, song họ vẫn luôn luôn ở nhà trong cõi không phi thời.

Cách hiện hữu này phản ánh trong *Bốn Lời Nguyên Lớn* (của Bồ-tát):

Chúng sinh vô biên, thế nguyện độ
 Phiên não vô tận, thế nguyện đoạn
 Pháp môn vô lượng, thế nguyện học
 Phật đạo vô thượng, thế nguyện thành.

Chính điều khiến ông thành Người Quân Tử làm cho tất cả tám đường khả thể. Theo cách sắp xếp của Khổng giáo, đây ám chỉ tám đức hạnh Khổng giáo: nhân, trung, hiếu, v. v... Trong khi nghĩa của *làm cho tất cả tám đường khả thể* không khẳng định theo văn mạch này, trọng điểm của lời tuyên bố như một toàn thể dường như là một Bồ-tát thì không hoàn toàn viên mãn cho đến khi siêu việt cảnh giới Bồ-tát.

Khi Bồ-tát Quán Tự Tại

Sao, ấy là Bồ-tát của Bảo-đà Nham! Ông Bạn Lớn cung cấp cho mỗi và mọi người. Trên trần gian không ở đâu ông có thể tìm được một kẻ đơn độc không tự do. Ông ho. Ông khạc nhổ. Ông cử động hai tay. Ông không có được người khác trợ giúp. Ai đã đập xiềng vào ông? Ai đang giữ ông lại? Hãy giơ bàn tay trái ông lên – ông có thể gỡ cổ một vị Phật. Hãy giơ bàn tay phải ông lên – khi ông có thể sờ cái mõm của con chó?

Ngón tay siết chặt, bàn chân bước, đâu ai giúp,
 Vì niệm và tưởng chất thành đồng lớn sai lầm;
 Nhưng hãy ném bỏ ủng hộ và phản đối,
 Ném đi tất cả những cái mình thích và không thích,
 Chắc chắn ông là Quán Tự Tại ngay chỗ ông đứng.

CHÚ THÍCH:

Kinh đúng là bắt đầu với vị Bồ-tát nhập sâu trong định (Samadhi) trước khi thuyết giảng.

Quán Tự Tại (Nhật: Kanjizai) – Avalokiteshvara trong tiếng Phạn; Kuanyin (Quan Âm) trong chữ Hán – đứng như là hiện thân của trí tuệ và bi tâm, những sức mạnh cơ bản thúc đẩy tất cả các Bồ-tát. Ở Nhật Bản, ông ấy (hay bà ấy) thông thường được biết nhiều hơn với tên *Kanzeon* (Quan Thế Âm) hay trong hình thức ngắn gọn hơn *Kannon* (Quan Âm). Quán Tự Tại, có nghĩa là “thấy tự do và không bị hạn chế,” tiêu biểu cho người học hay người cầu đạo cố gắng để được mức cao nhất của trí tuệ; Quán Thế Âm, “người nhận thức âm thanh của thế gian [sự đau khổ],” tiêu biểu cho vai trò của người thầy từ bi, người triền hoãn sự chứng đắc cuối cùng để dạy người khác; nguyện không bao giờ ngồi yên cho đến khi chúng sinh cuối cùng được đưa qua biển khổ đến bờ giác bên kia.

Bồ-đà-nham (Nhật: Butuoyan) hay Bồ-đà-lạc-son (Phạn: Potalaka) là quê hương hay tịnh địa của vị Bồ-tát ấy.

đi sâu vào

Bây giờ ông ta đang làm nhằm gì thế? Làm sóng. Khuấy động phiền não. Nó ngủ lúc ban đêm. Đi đây đi đó lúc ban ngày. Tè và ị. Mây trôi, suối chảy, lá rơi, hoa rụng lác đác. Nhưng hãy phân vân hay ngừng suy nghĩ và địa ngục dựng lên với tất cả tướng địa ngục. Vâng, tu hành đúng là như thế đó, nhưng cho đến khi ông thâm nhập với mô hôi lạnh lông mày và ông tự thấy nó, có phiền não tích trữ sẵn cho ông, và nó rất nhiều!

Thế nào khi ông động tay khua chân?
 Ăn khi ông đói? Uống khi ông khát?
 Nhưng khi một niệm thoáng qua xen vào
 Ông giết chết Hồn Độn và tặng y con mắt.

CHÚ THÍCH:

Ông giết chết Hồn Độn và tặng y con mắt. Đây ám chỉ câu chuyện trong sách *Trang Tử*. Các thần, khi sáng tạo xong một thế giới mới, quyết định tỏ lòng biết ơn Hồn Độn, mà sự trợ giúp tự xóa bỏ là thiết yếu đối với việc làm của họ, bằng cách cho y cùng những giác quan mà các thần thụ hưởng. Họ khoan các lỗ vào thân y và cho y thị giác, nhưng khi họ tự chúc mừng vì kết quả kỳ diệu, Hồn Độn chết. Hồn Độn ám chỉ cái có trước phân biệt.

Bát-nhã Ba-la-mật-đa,

Chà! Khoét thịt lành, tạo thành vết thương hả miệng.
Vật kỳ dị, “trí tuệ” này của y. Nó giống cái gì vậy? Sâu?
Nông? Giống như nước sông, có lẽ? Hãy nói tôi nghe trí
tuệ nông sâu thế nào. Nhận diện nhầm rồi, tôi e vậy. Ông
ấy nhầm chim trĩ là phượng hoàng.

Hủy sắc tìm không gọi là nông;
Thấy không đầy sắc gọi là sâu.
Y lảm nhảm về trí tuệ với sắc và không
trong vô chup,
Như rùa què trong bình thủy tinh lê lếch theo
chim bay.

CHÚ THÍCH:

Nhầm chim trĩ là phượng hoàng. Đây dựa trên câu chuyện cổ tích của Trung Hoa. Vua nhà Chu (Ch'u) là một người rất yêu chim, chứa đầy cung điện những tạo vật lông vũ thuộc mọi loại. Một thương nhân táo bạo hy vọng chiếm được ản sủng của nhà vua đã đi đến núi Tan [?] nơi người ta nói phượng hoàng làm tổ và tìm con chim huyền thoại khắp trên cao dưới thấp. Khi sắp bỏ cuộc và trở về nhà, ông ta gặp một người đàn ông mang một con chim có hình dáng kỳ lạ. Thực tế nó là một con chim trĩ, nhưng người đàn ông bảo nó là một trong những con phượng hoàng nổi tiếng của núi Tan, vì thế người thương nhân mua nó và mang đến nhà vua. Nhà vua nghĩ nó là một con

chim phượng hoàng có dáng xấu, nhưng nó có cái đuôi dài như chim phượng hoàng, và vì người ta nói phượng hoàng là con chim điềm lành, nhà vua chấp nhận nó với sự hân hoan.

lúc ấy

Ông ấy lại làm nữa rồi. Lóc ra một mớ thịt lành toàn hảo khác. Ấy là trước tất cả những *kiếp* vô cùng trong quá khứ. Ở bên kia tất cả những kiếp vô cùng vị lai. Kiếm Thối Long kỳ diệu sáng lạnh trong chiếc hộp chứa với hào quang rung động diệu kỳ. Một viên ngọc sáng ngời được mang đến trong đêm đen tối.

Sáng hôm qua, quét bỏ hóng của năm cũ,
Tối nay, giã gạo cho cát tường Năm Mới;
Có cây tùng có rễ, cây cam với những lá xanh um,
Ta mặc chiếc y mới tinh chờ khách đến.



Thời

CHÚ THÍCH:

Kiểm Thối Lông, rất bén có thể cắt đứt sợi lông bị thối vào nó, là một ẩn dụ chỉ tâm trí tuệ.

Pháp hội mà ở đó Bạch Ẩn đưa ra những lời bình *Tâm Kinh* này được tổ chức vào những tháng mùa đông. Bài kệ của sư nói lên nhất thể cốt yếu của thời gian và hữu thể trong những hoạt động thường ngày của đời sống tự viện.

Kiếp (kalpa) là một thời kỳ dài vô lượng; một a-tăng-kỳ.

ngài quán thấy

Con Mắt Kim Cương bất bại, không một mảy bụi nào. Song, ông không chớp nháy mở nó ra trên chiếc giường bụi vôi bay. Dù sao cái “thấy” này xảy ra ở đâu vậy? Toàn thể trái đất là con mắt của tầng áo nạp. Y như Huyền Sa nói....

Con tiêu mòng lòng vòng trong mắt con ve,
 Con vi khuẩn giăng lưới trong tai trứng chích;
 Trời Đâu-suất, nhân giới, sán địa ngục,
 Hoàn toàn sạch như trái xoài trong lòng bàn tay.

CHÚ THÍCH:

Dù sao cái “thấy” này xảy ra ở đâu vậy? Thấy giả định người thấy và cái gì đó bị thấy, nhưng không có nhị nguyên nào hiện hữu trong thâm sâu bát-nhã ba-la-mật-đa, nơi, như câu nói nổi tiếng của Thiền khẳng định, “Toàn thể đại thiên thế giới là con mắt của tăng áo nạp.”

Y như Huyền Sa nói. Huyền Sa, một sư đời nhà Đường đã xuất hiện trước kia trong luận này. Không thể xác định cái nào, nếu có, trong câu nói của Huyền Sa mà Bạch Ẩn có trong tâm ở đây. Sài Sơn Toàn Khánh (Shibayama Zenkei), một sư Lâm Tế hiện đại, dẫn lời sư Đại Huệ đời nhà Tống, người đã tán thán câu nói của Huyền sa rằng chúng có “cái nghĩa vô nghĩa.”

tất cả năm uẩn đều là không

Cái đuôi con rùa thiêng quét sạch dấu vết rùa. Nhưng làm sao cái đuôi có thể không để lại dấu vết của chính nó? Sắc giống như Núi Thiết Vi ngất ngưởng. Thọ giống như Kiếm Kim Cương sắc bén. Tưởng và thức giống như ngọc như ý. Nhưng ông phải biết đi bao xa. Trước khi ông biết nó, bóng tối bao trùm lấy ông một lần nữa.

Ông thấy năm [uẩn] của kẻ khác và ông nghĩ đó là ông,
 Ông bám vào đó với kiêu hãnh hay xấu hổ;
 Ấy giống như bọt bóng tạo thành trên mặt sóng

Như ánh chớp vạch đường xuyên qua bầu trời.

CHÚ THÍCH:

Năm uẩn (skandha) – sắc, thọ, tưởng, hành, và thức – là những yếu tố hợp tạo của tất cả chúng sinh.

Nhưng làm sao cái đuôi có thể không để lại dấu vết của chính nó? Sau khi đã nói, “Tất cả các pháp đều là không,” những chữ “tất cả các pháp đều là không” vẫn còn đó.

Núi Thiết Vi bao quanh các giới hạn bên ngoài của thế giới. Không khác với trống không. Sắc (một trong năm uẩn) có sự hiện diện không thể phủ nhận được như là núi; các cơ năng của tâm (bốn uẩn khác) vận hành như kiếm kim cương, hư huyền, và như Ngọc Ma-ni thần kỳ, thực hiện ước muốn. Để nắm được nghĩa chân không của các uẩn theo cách này phải mất nhiều năm tu luyện kịch liệt, và đời người quá ư ngắn ngủi.

liền qua hết thấy khổ ách

Cái bóng trong cái ly của khách không bao giờ là con rắn. Trong mộng, ba giới rõ ràng làm sao. Khi ông tỉnh, tất cả là không, tất cả vạn thế giới là Vô (Mu).

Ông kẹ bên ngoài xô cửa,

Ông kẹ bên trong giữ chặt.
Mồ hôi đổ từ đầu đến chân,
Chiến đấu vì sự sống của mình,
Họ duy trì như vậy suốt đêm
Cho đến khi rạng đông xuất hiện
Tiếng cười đầy ánh sáng ban mai –
Ngay từ đầu họ đã là bạn của nhau.

CHÚ THÍCH:

Cái bóng trong cái ly của khách không bao giờ là con rắn. Đây một ẩn dụ trong câu chuyện của Yeuh, một quan chức Trung Hoa, khi ông ta được bổ nhiệm làm tri phủ, đã mời một người bạn giúp mình làm lễ mừng. Ông ta mời người bạn một ly rượu lớn, nhưng khi người bạn cầm cái ly lên uống người ấy thấy một con rắn uốn éo thân mình trên mặt rượu. Người ấy nhắm mắt lại và uống nó, nhưng rồi xin được miễn thứ và vội vã về nhà. Nghĩ rằng mình đã nuốt con rắn, người ấy trở thành bị bệnh và đến giường nằm. Khi biết được chuyện gì xảy ra, viên tri phủ lại mời bạn lần nữa. Đặt ly rượu phía trước bạn, ông ta hỏi con rắn vẫn còn đó chứ. Khi người bạn trả lời khẳng định là vẫn còn, Yueh chỉ cây cung đang treo trên tường nhà, ảnh của cây cung phản chiếu trên mặt ly rượu. Chúng ta tạo ra những ảo tưởng như thế là năm uẩn, nó trở thành nguyên nhân của khổ.

Bài kệ tái hiện câu chuyện Bồ-tát Long Thọ về một đôi bạn du hành bị lạc đường và xa cách nhau trong núi sâu.

Một trong hai người đã lang thang vô mục đích cho đến khi bị bóng tối tràn ngập. Anh ta tiến gần đến một mái nhà tranh nhỏ, cô đơn và hỏi chủ nhà xin ở nhờ. Chủ nhà từ chối, nói rằng ông ta bị quỷ đêm ám ảnh, nhưng du khách vẫn khăng khăng xin ở nhờ, và cuối cùng được cho phép ở lại. Sau bữa ăn tối, bỗng nhiên có tiếng lộp độp ở cửa. Du khách chạy đến cửa và giữ chặt nó. Suốt đêm dài tiếng đập mạnh và tiếng cào sột soạt tiếp tục ngoài cửa, và du khách vẫn kiên trì giữ chặt cửa. Khi ánh sáng ban ngày đến, du khách có thể thấy rằng kẻ được cho là quỷ chỉ là người bạn đã thất lạc từ hôm trước, cũng đã đến mái nhà tranh tìm chỗ trú.

Ông kẹt bên trong là lòng can đảm và quả quyết của người tu tập; *ông kẹt bên ngoài*, ảo tưởng và tham vọng của người ấy. *Rạng đông* là sự khai mở của giác ngộ, khi nhận ra rằng mê không khác hơn ngộ.

*Này Xá-lợi-phất, sắc chẳng khác không,
không chẳng khác sắc. Thọ, tưởng, hành,
thức cũng lại như vậy.*



Duy-ma-cật

Này Xá-lợi-phất,

Phù! Làm sao một vật tâm thường nhỏ bé của một A-la-hán với những quả không mấy giá trị của ông ấy có thể có được mà cúng dường? Chung quanh đây, ngay cả các Phật và các Tổ cũng cầu xin mạng sống. Ông ấy sẽ trốn ở đâu, với “bộ mặt Tiểu thừa và trái tim Đại thừa”? Ở chỗ Duy-ma-cật, ông ấy cũng không thể có tính người trở lại. Chắc chắn ông ấy không thể quên cách l mình đã đồ mồ hôi và vắn vẹo?

Ở Vườn Nai, trí tuệ của ông ấy đã vượt qua tất cả
 Khi còn trong bụng mẹ, đã làm giạt mình ông Cậu
 Móng Tay Dài
 Đã thân thấy bậc Đại Sĩ, lấy kinh xuống
 Là thầy riêng của La-hầu-la, là người con
 thông minh của Phu nhân Mynah.

CHÚ THÍCH:

Bài pháp bắt đầu nói với Xá-lợi-phất, người đã yêu cầu nói kinh ấy.

Với bộ mặt Tiểu thừa và trái tim Đại thừa? Xá-lợi-phất, dù là người theo Tiểu thừa đã sống trước khi giáo lý Đại thừa xuất hiện, đã sở hữu chân lý của giáo lý ấy trong tâm. Trong *Kinh Liên Hoa* đức Phật tiên đoán rằng trong tương lai các đệ tử của ngài sẽ vượt qua quả vị A-la-hán và đạt cảnh giới Phật.

Trong *Kinh Duy-ma-cật*, khi Cư sĩ Duy-ma-cật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi luận về vai trò của Bồ-tát, Xá-lợi-phất có mặt, cùng với một thiên nữ có các thần lực của Bồ-tát. Xá-lợi-phất phát lòng vì có nữ nhân ở đó, nghĩ rằng cô ta sẽ làm ô nhiễm hội chúng, và nhập cuộc tranh luận với cô ta về sự khả hữu của giác ngộ đối với nữ nhân. Tôn giả có ý định đặt thiên nữ vào địa vị của cô ta nhưng thay vì thế nó lại cho thấy sự thất bại của mình, không vượt qua được sự phân biệt giới tính. Thiên nữ biến tôn giả thành một thiên nữ và thách thức tôn giả tự biến thành đàn ông trở lại, mà tôn giả không làm được bởi vì những chấp trước vẫn còn trong tâm.

Ông Cậu Móng Tay Dài [tức phạm chí Trường Trảo] là em trai của mẹ Xá-lợi-phất. Trở về nhà sau một thời gian dài chuyên cần nghiên cứu ở các học viện lớn, ông ta ngạc nhiên khám phá ra rằng chị mình, đang mong đợi một đứa con, đã trở nên cực kỳ thông minh và hùng biện và đã có thể làm được tốt nhất một cách dễ dàng với mình trong tranh luận. Nhớ lại người ta nói rằng một người đàn bà mang một đứa con đại trí tuệ chính bà ta có được trí tuệ đó. Ông ta biết mình phải tham học cực nhọc hơn nhiều nếu muốn tránh được bị đứa cháu trai mới của mình che phủ. Từ đó trở đi ông ta còn không thích cắt móng tay của mình, khiến chúng mọc ra rất dài.

Đại Sĩ là Quan Âm. *La-hầu-la* là người con trai mà Thích-ca-mâu-ni là cha trước khi đi vào đời sống đạo. La-hầu-la được Xá-lợi-phất (Shariputra) dạy bảo và sau này trở thành một trong những đệ tử của Phật. *Phu Nhân*

Mynah là mẹ Shari (Xá-lợi) của Shariputra (Shariputra có nghĩa là “con của Shari”), đã nhận tên bà, có nghĩa là “chim mynah,” bởi vì tài hùng biện và đôi mắt thấu suốt của bà.

Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc;

Một cái ấm hầm nóng sốt dễ thương. Ông ấy làm hỏng nó bằng cách bỏ vào một cặp phân chuột. Tổng những cái tinh tế vào một người với cái bụng đầy là không tốt. Đập bên cạnh sóng để tìm nước khi nước *là* nước.

Sắc chẳng trở ngại không;
không là mô của sắc.
Không chẳng phải là sự diệt của sắc;
sắc là thịt của không.
Bên trong các cửa Pháp
sắc và không chẳng phải hai
Một con rùa què có lông mày vẽ
đứng trong gió chiều êm nhẹ.

CHÚ THÍCH:

Cặp phân chuột là sắc và không.

sắc tức là không, không tức là sắc.

Rác rến! Một sưu tập những thứ tầm phào vô dụng. Đừng gắng sức dạy những con dã nhân trèo cây. Những món hàng này gom bụi trên mấy cái kệ hai ngàn năm nay. Sư Tạ (Huyền Sa) ngồi trên thuyền câu vắt nước sợi dây câu.

Con chim chích trong bụi hót thử
trong gió xuân êm nhẹ;
Bên những cây đào một đám mù lơ lửng
dưới mặt trời ẩm áp.
Một nhóm thiếu nữ, “đầu ve sâu và
lông mày bướm đêm,”
Với những nhánh hoa, phủ qua từng vai gấm thêu.

CHÚ THÍCH:

Sư Tạ ngồi trên thuyền câu vắt nước sợi dây câu. Trước kia trong luận này Bạch Ẩn đã dùng câu này để miêu tả sự dụng công rõ ràng vô ích mà các Bồ-tát đã thi triển khi họ cố gắng độ người khác đến giác ngộ. Ở đây Bạch Ẩn trách Bồ-tát Quan Thế Âm vì lặp lại những khẳng định không cần thiết này về sắc và không.

Bài kệ miêu tả *các sắc* từ thế giới thực tế, mà chính chúng, chẳng khác hơn không.

Đầu ve sầu và lông mày bướm đêm là miêu tả vẻ đẹp của phụ nữ theo cách nông trang.

Thọ, tướng, hành, thức cũng lại như vậy.

Bây giờ cứ nhìn ông ấy – lẫn lộn trong cỏ gan đúc! Nếu qua được những hiện hình kỳ dị này mà không báo nguy, chúng sẽ tự diệt. Các Phật tuyệt là những con đau mắt kinh khủng khi mặt trời hiện ra. Chắc chắn ông sẽ không thấy những điều kỳ dị như vậy ở quanh chỗ tôi.

Đất nước gió lửa là dấu vết để khi chim
cất cánh bay;
Sắc thọ tướng là những tia lửa nơi mắt.
Thạch nữ dẹt thoi, cùi chỏ mảnh khảnh bay;
Con bò bùn khum khum qua bọt sóng biển,
nhe nanh.

CHÚ THÍCH:

Đất nước gió lửa là bốn đại (yếu tố) của thế giới vật chất. *Những tia lửa* là những vết hoa đốm khi bạn dụi mắt.

Những dòng cuối của bài kệ, giải thích thọ, tướng, hành, và thức bằng thí dụ là không, cảnh báo sự sai lầm rơi vào trạng thái không “trống rỗng” thụ động. Thiền sư thế

kỷ hai mươi Sugawara Jiho gọi đó là “mật ngữ đưa vào chân lý của ‘tất cả các pháp đều là không’.”

Này Xá-lợi-phất, tướng không này của các pháp không sinh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt. Cho nên trong tướng không, không có sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới;

無常

Vô thường

Này Xá-lợi-phất, tướng không này của các pháp

Giống như dụi mắt làm cho ông thấy hoa đốm hư không. Nếu tất cả các pháp không hiện hữu từ đâu, ông muốn làm gì với “tướng không”? Ông ấy ị và tè vương vãi khắp cảm cái sân sạch.

Đất, sông và đồi núi, là lâu đài trong hư không;
Thiên đường và địa ngục là những cửa hàng
bán hình nộm trên những làn sóng biển.
“Tịnh” độ và thế giới “bất tịnh”
là những cái bàn chải bằng lông rùa,
Niết-bàn và sinh tử, người cuỡi ngựa được
điều khiển từ sừng thỏ.

CHÚ THÍCH:

Hoa đốm hư không, những vết đốm do mắt bệnh thấy, có thể tạo ra bằng cách dụi mắt.

Lông rùa và sừng thỏ, là những ẩn dụ chỉ những gì không hiện hữu bằng khoa trương, giả tưởng, và mê hoặc.

Tịnh độ là thiên đường của Phật giáo, hay “bờ kia” của Niết-bàn; *thế giới bất tịnh* là cõi sinh tử luân hồi mà chúng ta sống trong đó.

**không sinh không diệt,
không nhớ không sạch,
không tăng không giảm.**

Thật là những thứ trên trang đầu! Nhưng đây có phải là cách nó thực là như vậy ư? Làm sao ông đánh vào phần mọi vật không sinh không diệt? Tốt hơn là ông không lừa chúng tôi! Cái cùi chỏ không cong ra ngoài.

Những tiểu tử trong mắt ông đang đợi khách,
Thần Hang không chết, đợi tiếng gọi của ông.
Không một ai bị bản sống ở nhân giới;
Trong tất cả các cõi tịnh độ của các Phật,
không một khuôn mặt sạch.
Tám vạn phần Pháp, không đủ ư?
Ba ngàn Phật địa chứa kẻ bên không gì cả.
Không khác với hoàng tử gởi ở Hantan,
Hay quan thu thuế ở Nam Kha, vợ vét thuế.

CHÚ THÍCH:

Những tiểu tử (little chaps) là những “tiểu mục tử” (“eyesbabies”) phản chiếu trong mắt. Hành tác tự do và vô tâm, chúng cho thấy tất cả các pháp như thật. Thần Hang là âm vang dội lại; dù không có bất cứ bản thể cố định hay ngã nào, nó đáp ứng tức thời khi có người gọi. Hai câu này minh họa chân lý *Không Sinh, Không Diệt*.

Tám vạn phân Pháp. Người ta nói có tám vạn bốn ngàn Phật pháp, một pháp cho mỗi một trong tám vạn bốn ngàn phiên nào.

Nó không khác với hoàng tử gỏi ở Hantan [?]. Đây căn cứ theo câu chuyện dân gian Trung Hoa. Một thanh niên bỏ nhà ra đi tìm sự nghiệp ở kinh đô dừng lại ở một nơi gọi là Hantan, trong khi chờ nấu bữa ăn trưa, đã ngủ một giấc ngắn và mộng thấy mình trải qua một sự nghiệp sáng ngời, điếm đỉnh ở trong sự hẹn gặp với vị tể tướng của nước. Khi tỉnh dậy, thấy thức ăn vẫn còn nấu trên bếp, anh ta tỉnh ngộ rằng đời chỉ là giấc mộng hư ảo và trở về nhà.

Quan thu thuế ở Nam Kha (Nanke). Đây cũng từ một câu chuyện dân gian Trung Hoa. Một người đàn ông ngủ gật dưới một cây hòe và mộng thấy mình được triệu đình của vua triệu kiến và yêu cầu cai quản cái tỉnh khó Nam Kha. Dưới sự cai trị của ông ta, dân chúng trở nên giàu có trả thuế đầy đủ và khiến ông ta trở thành người giàu sang. Một hôm một sứ giả đến nói với ông ta rằng vương quốc đang ở trong nguy biến và kinh đô phải dời đi, và yêu cầu ông ta trở về nguyên quán cho đến khi nào người ta cần ông ta. Ông ta tỉnh giấc giữa một cơn bão lớn. Về sau ông ta tìm thấy một tổ kiến hoang phế trong thân cây hòe; tất cả kiến đã bỏ đi trước khi bão đánh.

Cho nên, trong không

Một cái hang chó rừng thường lệ. Một cái động qui u ám. Bao nhiêu người hành hương đã rơi vào nơi đây? Một cái hố đen sâu thẳm. Bóng tối không thể nói được của năm mờ. Ôi là một nơi kinh khiếp!

Hơn một trăm ông tăng đói lạnh,
một giáo chúng phượng hoàng,
Xòe những chiếc quạt mùa đông và
chúc mừng Năm Mới.
Trên tường treo một ông lão mắt biếc râu tía,
Trong bình là hoa thơm của hoa mai tinh khiết.
Lạnh làm ghệt ngay cả giọng trong sáng của
con chim chích.
Hơi ẩm từ than hồng dâng lên đến những
chỗ ngồi thiền
Có những món quà khoai lang đại,
nơi những nếp gấp của cọng rơm.
Cho các lão nhân, những đồ ngọt có đường,
để trong giấy gói.

CHÚ THÍCH:

Bài kệ miêu tả cảnh Năm Mới ở một ngôi chùa nhỏ miền quê nơi Bạch Ẩn trụ. Trong đoạn trước sư cảnh báo chống lại sự chấp vào cái không trống rỗng; bây giờ sư công hiến những miêu tả cụ thể chân không.



Bò-đề-đạt-ma

Ông lão mắt biếc là Bò-đề-đạt-ma, người sáng lập Thiền tông, có hình treo trong thời gian Tết.

Cái lạnh vẫn quá khắc nghiệt đối với *uguisu* (chim chích) trong bụi cây, mà tiếng chiu chít quen thuộc báo trước mùa xuân đến.

Trong Thiền đường đặt một lò than hồng cho những vị khách đến tỏ lòng tôn kính. *Khoai lang* và *đồ ngọt*, những thứ mà Bạch Ẩn thích vô cùng, là những món quà do những thành viên của cộng đồng cư sĩ tặng.

**không có sắc;
không có thọ, tướng, hành, thức;**

Mộng và mê hoặc. Hoa đốm hư không. Sao phải phiền nải bắt *chúng*? Lờn và lỗ, đúng và sai – *hãy để yên chúng đi*. Sự tỉ mỉ này của ông ấy chỉ khuấy lên phiền não. Làm cho mọi thứ biến thành hư không có gì là tốt?

Hư không vô biên vô ngại, mở trống, rộng lặng,
Đất, đồi núi và sông, chỉ là những cái danh,
không có gì hơn thế.

Ông có thể chia cái tâm thành bốn,
gôm tất cả sắc thành một,
Chúng vẫn chỉ là những tiếng vọng thì thầm
qua những khe suối trống.

CHÚ THÍCH:

Ông có thể chia cái tâm thành bốn, gồm tất cả sắc thành một. Đây là một ẩn dụ chỉ sự xếp loại của Phật giáo về ngũ thành năm *uẩn* (skandhas): thọ, tưởng, hành, thức, và sắc (tượng trưng cho hình thái vật chất).

**Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;
không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;
không có nhãn giới, cho đến không có ý
thức giới;**

Ồ, tôi có mắt và tai. Mũi, lưỡi, thân, và ý! Sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp *thực sự* hiện hữu! Dưới bầu trời thu rộng lặng rác rến trải ra vô tận, không một người đi. Ai là kẻ cười ngửa từ phương tây đến?

Khi sáu thức khuấy động, sáu trần dấy lên;
Khi tâm căn yên nghỉ, sáu trần cũng yên nghỉ.
Các căn, trần, và thức, tất cả mười tám giới,
Mênh mông một bọt nước bệch bênh trên biển
không bờ.

CHÚ THÍCH:

Dưới bầu trời thu rộng lặng rác rến trải ra vô tận, không một người đi. Ai là người cười ngửa từ phương tây

đến? Những câu này là của Vương Xương Linh (Wang Ch'anglinh), một thi sĩ Trung Hoa thế kỷ thứ tám. Bạch Ẩn dùng chúng để miêu tả cõi chân không và diệu hạnh của giác ngộ hiện ra từ bên trong nó, sự kêu gọi người học khẳng định những phủ định của kinh cho chính mình.

Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý), tương tác với *sáu trần* (sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp) làm khởi lên sáu thức (thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, ý), theo đó thị hiện ngoại giới đối với chúng ta. Năm căn đầu và các thức vận hành liên kết với thức thứ sáu (ý), cái nguồn của chúng. Khi thức căn tĩnh lặng và vô chấp, *sáu trần* không khởi lên.

Không có vô minh, cũng không có hết vô minh; cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết; không có khổ, tập, diệt, đạo; không có trí, cũng không có đắc,



Bồ-đề-đạt-ma

**Không có vô minh,
cũng không có hết vô minh;
cho đến không có già chết,
cũng không có hết già chết**

Những viên ngọc rải rác qua một tấm lụa tía thượng hảo hạng. Những viên ngọc gói bên trong cái túi của người ăn mày bản thủ – cần chân trí tuệ để biết *đó* là những viên ngọc. Nước con bò cái uống biến thành kem; nước con rắn uống biến thành chất độc. Những lâu đài mười hai tầng mà các bậc thánh trụ được bao bọc trong những đám mây năm sắc vĩnh viễn ở xa bên kia tầm với của con người.

Mười hai duyên sinh và mười hai diệt;
Kẻ sinh là chúng sinh, kẻ diệt là thánh.
Thế giới Độc giác Phật thấy là như thế,
Bụi trong mắt bậc Độc giác quay tròn trong không.
Ai có thể thấy được bụi trôi trong mắt ông ấy?
Ô bánh xe Pháp từ ái, vĩ đại, viên đôn!
Hãy tạo đường vào ánh sáng của nó, xác nhận
bụi ấy cho chính mình,
Hãy thoát khỏi thầy ma của những con cáo ghẻ ông
mang!

CHÚ THÍCH:

Kinh liệt kê vẫn tất mười hai nhân duyên: vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già và chết. Thứ nhất, vô minh (nghĩa đen, “không ánh

sáng”), là cái nhân đầu tiên, và đây là cả nhân và quả của nhau trong một sợi xích vô tận, không thể phá vỡ. Sợi xích nhân duyên, trong khi thường liên kết với Độc giác Phật, người chiến thắng được giác ngộ bằng cách quán và làm cạn kiệt vô minh và những khoen khác trong sợi xích, cũng là quan niệm nền tảng về sự hiện hữu của con người, đặt căn bản trên mối quan hệ duyên sinh và sự luân chuyển của nghiệp, đối với Phật giáo như là một toàn thể. Trong truyền thống Đại thừa, khi “vô minh” được “ánh sáng” hay trí tuệ thay thế, tất cả các khoen của sợi xích, như thế, trở thành những hành tác kỳ diệu của trí tuệ.

Những viên ngọc rải rác qua tám lụa tím thượng hảo hạng. Thấy bằng con mắt giác ngộ, tất cả những khoen của sợi xích mà kinh phủ định là những cái thấy rục rờ đến độ không có lời tương ứng để miêu tả.

Những lâu đài mười hai tầng nơi các bậc thánh trụ được bao bọc trong những đám mây năm sắc vĩnh viễn ở xa bên kia tầm với của con người. Những đám mây năm màu là năm uẩn hay những phần hợp thành sự sống tạo nên những hình thái vật chất và tinh thần của ngã. *Những lâu đài mười hai tầng* dụ cho sợi xích mười hai nhân duyên bên trong ngã mà người giác ngộ thực sự thấy và kinh nghiệm như là chỗ trú của an lạc.

Hãy thoát khỏi thân ma của con cáo ghe ông mang! Đây là một ẩn dụ về một nhận định được qui cho đức Phật: “Ta thà là ông bị đọa trong cái thân ma của con cáo già ghe

chóc hơn là ông mãi chấp nhận những chân lý phiến diện của các Thanh văn và Độc giác Phật.”

không có khổ, tập, diệt, đạo;

Những viên ngọc sáng chói trong ánh sáng rạng đông ở bên kia tấm rèm trúc. Kẻ ngu giờ kiểng lên đi đến đó! Muối trong nước biển, kích thước ở trong sơn. Cò trắng an định trên cánh đồng, một ngàn bông tuyết. Chim chích vàng trên cây, các cành tất cả ở trong hoa.

Bốn viên đạn nóng cháy, đỏ đến tận tim, nửa đêm mang dép rơm và vươn lên khỏi mây.
 Bốn đế (khổ, tập, diệt, đạo) không
 Ở cuối hay đầu, không viên hay đốn.
 Kiền-trần-như, Bạt-đề, Câu-lị, và những người khác
 Mặt nhìn những cửa bị cháy trước khi họ biết.
 Kim Thánh không lưới tôm nơi Lộc Uyển,
 Bí mật biết trước gốc rễ Đại thừa của chúng.

CHÚ THÍCH:

Khổ, tập, diệt, đạo. Đây là Bốn Đế hay Bốn Chân Lý Cao Quý đức Phật dùng để giải thích nguyên nhân của khổ và con đường giải thoát.

Những viên ngọc sáng chói trong ánh sáng rạng đông ở bên kia tấm rèm trúc. Những viên ngọc là Bốn Chân Lý

Cao Quý. Không biết giá trị vô giá của Bốn Đệ, những người vô minh và những người chứng đắc kém hơn như các bậc Thanh văn và Độc giác Phật xem chúng là không đáng ham muốn và cố gắng tránh đi.

Không ở cuối hay đầu, không viên hay đốn. Đây ám chỉ sự xếp loại các giáo lý Phật giáo thành năm thời kỳ theo thứ tự chúng được giảng dạy.

Kiều-trần-như, Bát-đề, Câu-lị là ba trong năm vị tỳ-kheo nghe bài pháp đầu tiên của đức Phật, trong đó ngài xiển dương Bốn Chân Lý Cao Quý. Họ trở thành những người theo ngài và về sau đạt quả vị a-la-hán.

Kim Thánh là đức Phật; *tôm* là các vị A-la-hán là những người hiện diện ở Vườn Nai khi Phật thuyết giảng lần đầu. Mặc dù có thể có vẻ là các vị A-la-hán là đối tượng của giáo lý của Phật, con mắt giác ngộ của Bồ-tát có thể thấy rằng ngài đang giảng Pháp Đại thừa theo đó. Sài Sơn Toàn Khánh (Shibayama Zenkei) bình rằng tất cả tùy thuộc người đang dùng tấm lưới: Nếu là tay đại thiện xảo, người ấy sẽ không kết thúc với những con tôm mà với những người đại giác ngộ.



Thích-ca-mâu-ni

không có trí, cũng không có đắc,

Lại dựng nhà trong nấm mộ. Rất nhiều người hiểu lầm những chữ này. Người chết mất côn trùng từ cổ quan tài dòm ra. Ông có thể hét hoàng tử Chang [?] vẽ trên giấy ở đó đến khan tiếng, ông sẽ không có được một tiếng chíp của y.

Lửa đen cháy sáng như ngọc huyền
Làm cạn toàn bộ màu tự nhiên của
trời đất mệnh mệnh.
Không thấy núi và sông trong gương tâm;
Trăm triệu thế giới thống khổ, không vì gì cả.

CHÚ THÍCH:

Ông có thể hét hoàng tử Chang đến khản tiếng. Đây chỉ câu chuyện về một hoàng tử tuyên bố với thuộc hạ rằng sau khi ông ta chết nếu họ bị nguy hiểm họ chỉ phải đi trước chân dung của ông ta và gọi tên ông ta, ông ta sẽ đến trợ giúp họ. Khi đất nước bị quân thù đe dọa, người dân đã làm như ông ta bảo, nhưng vô ích, nước nhà sớm rơi vào tay kẻ xâm lăng. Sái Sơn Toàn Khánh (Shibayama Zenkei) bình rằng ngay cả những người biết chân lý kỳ diệu *Không có Trí tuệ, Không có Chứng đắc* cũng không thể giải thích nó bằng lời, người ta phải tự lãnh hội nó cho mình.

Lửa đen cháy sáng như ngọc huyền. Lửa đen, hầu như không thể phân biệt được, cháy và lan rộng với tốc độ rất nhanh, thiêu hủy mọi vật trên đường nó tiến tới.

Vì không có đấ nên ngài ấy là Bồ-tát y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết-bàn. Chư Phật ba đời đều y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa được đạo quả vô thượng, chánh đẳng, chánh giác.



Bồ-tát

Vì không có đắc, nên ông ấy là Bồ-tát

Hãy bỏ đi! Kẻ cắp kêu vô tội với tang vật trên tay.

Hành động tùy theo hoàn cảnh đáp ứng chúng sinh ở bất nơi nào có thể, ông ấy vẫn không bao giờ là tòa Bồ-tát. Trừ phi ông rõ ràng về ba, tám và chín, ông sẽ có nhiều thứ để suy nghĩ khi ông chạm trán thế gian.

Bồ-đề-tát-đỏa, Người Giác Ngộ, Đại Sĩ!

Chữ Hán là “Chúng Sinh của Đại Tâm.”

Vào Ba Đường, ông ấy mang đi nỗi khổ của chúng ta;

Tự tại, hoan hỉ tiến hành qua mọi cõi;

Nguyện không bao giờ chấp nhận quả đạo sơ sai thiên lệch

Ông ấy theo đuổi giác ngộ thượng thừa trong khi độ người khác.

Cái không mênh mông của hư không vô biên có thể ngừng hiện hữu, nhưng ông ấy vẫn

Thúc đẩy bánh xe nguyện mãi mãi độ chúng sinh vô minh.

CHÚ THÍCH:

Kẻ cắp kêu vô tội với tang vật trên tay. Bạch Ân nói cũng là để buông xả vô đắc vậy.

Trừ phi ông mình bạch về ba, tám và chín... thế giới. Nói chung dường như các bậc hòa thượng đồng ý khi bình câu này (lấy từ một đối thoại Thiền) là nó xem thường cái hiểu của lý trí và chỉ có thể lãnh hội qua thiền quán, một trong những vị ấy cố gắng nhận xét triết học này: Ba, tám và chín cộng lại thành hai mươi; chữ Hán cho là con số hai mươi đôi khi được dùng vào chỗ chữ *niệm* (*nien*), có nghĩa là ý nghĩ hay suy nghĩ.

Ba Đường là ba nẻo luân hồi: địa ngục, ngã quỷ, và súc sinh.

y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa

Ôi bị học cổ trái lê! Ông ta đang khạc nó ra. Nếu ông có thấy cái gì chịu đựng được rác ở bắc Yuchou [?], nhưng sự dẹt dẹt ở Chiangnan [?] thì rất khôn khổ.

Hãy nói rằng ông thấy tham và sân nơi
các A-la-hán, nhưng chớ
nói chuyện vô nghĩa về các Bồ-tát y theo bát-nhã.
Nếu ông thấy họ y theo bất cứ cái gì,
Họ chẳng phải “vô ngại,” mà họ bị xiềng xích.
Bồ-tát và bát-nhã cốt yếu là giống nhau,
Như những hạt chuối lăn trên chiếc mâm –

đột ngột, sẵn sàng, không cấm kỵ.
 Ông ấy chẳng phải phạm cũng chẳng phải thánh,
 không phải ngu cũng không phải trí.
 Tiếng kêu xấu hổ, khi ông về rấn, thêm chân.

CHÚ THÍCH:

Tiếng kêu xấu hổ, khi ông về rấn, thêm chân. “Chân” là sự tùy thuộc vào trí tuệ.

**tâm không bị ngăn ngại;
 vì tâm không bị ngăn ngại,
 nên không sợ hãi,
 xa hẵn điên đảo mộng tưởng**

Đó chẳng có gì là phi thường cả. Thần thông diệu dụng – chỉ là gánh củi hay xách nước. Ngẩng đầu lên, tôi thấy mặt trời lặn ngôi nhà cũ của tôi ở phía tây.

Chẳng phải tâm hay tánh Phật hay Niết-bàn,
 Cũng chẳng phải Phật, Tổ hay bát-nhã;
 Mười thế giới đầy cái búa không lỗ nóng đỏ
 bất khả đắc
 Đập nát hư không thành thông dong vô biên.

Vừa hé môi, liền thốt ra tiếng sư tử trầm hùng
 Đe dọa sự sống của thỏ, chồn, và lửng.

Như tắc kẻ mang màu sắc của bất cứ vật gì trước nó,
Thay đổi tự do tùy theo hoàn cảnh trước mặt;

Nghे vai trái của mẹ Lý đang đau,
Ông ta đốt sắt nung đỏ chữa chân phải của
bà Trương.

Những ý nghĩ mê hoặc, sợ hãi, buồn rầu, và tất cả
Như giọt nước rơi xuống cái mương không đáy.

Phát cho Xích, Xích đã được mặc những bộ lông thú
đẹp,

Khi Lý chết, anh ta chỉ có cỗ quan tài tầm thường
không có quách.

Tiếng la hét đánh thức vị hòa thượng trong am đang
ngủ trưa:

Những cậu bé trong làng phá hàng rào và đánh cắp
măng tre.

CHÚ THÍCH:

Mỗi bài kệ bốn câu là chìa khóa cho một trong bốn
mệnh đề trong đoạn kinh này.

Mười thế giới đầy bao gồm Pháp giới trong toàn thể
tính của nó: sáu cõi mê (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-
la, người, và thần) và bốn cõi giác (Thanh văn, Độc giác
Phật, Bồ-tát, và Phật).

Nghe vai trái của mẹ Lý đang đau chỉ một câu chuyện của Đạo giáo về mẹ Lý (Lý mẫu), một người đàn bà giàu có bị đau đốn ở vai trái, được bà ngoại họ Trương (Trương nãi nãi) đưa đến một Đạo sĩ chữa trị. Biết bệnh nhân của mình không thích chữa bằng cách đốt ngải cứu, ông ta chữa trị mẹ Lý bằng cách đốt ngải cứu trên chân phải của bà ngoại họ Trương.

Phát cho Xích, Xích đã được mặc những bộ lông thú đẹp. Khi đệ tử của Không Tử tên là Xích (tức Tử Hoa), được bổ nhiệm đi sứ, Nhiễm Dư (bạn của Tử Hoa) yêu cầu cấp dưỡng thóc hộ trợ cho mẹ của Xích. Không Tử bảo Nhiễm Dư cho bà một số lượng, nhưng thực tế Nhiễm Dư cho bà ta nhiều hơn. Khi Không Tử biết được điều đó, nói, “Khi anh Xích đi sứ, anh ta đã ngồi xe ngựa thanh lịch và mình mặc những bộ lông thú đẹp. Có câu nói, ‘Người Quân Tử giúp những người nghèo cần giúp, không làm cho người giàu giàu thêm.’ ” (Theo sách *Luận Ngữ* của Không Tử).

Khi Lý chết, anh ta chỉ có chiếc quan tài thường không có quách. Sau khi Nhan Hối (Yen Hui) chết, cha của Nhan Hối xin Không Tử chiếc xe của ngài để bán và mua quách bọc ngoài cho quan tài của con ông ta. Không Tử từ chối, bảo ông ta rằng khi con trai của mình là Lý (tự Bá Ngự) chết, quan tài của anh ta không có quách, cũng không từ bỏ chiếc xe để mua cho con, bởi vì mình [lúc ấy Không Tử là quan cấp đại phu] phải đi bộ là không hợp. (Theo sách *Luận Ngữ* của Không Tử).

và đạt tới cứu cánh Niết-bàn.

Đây là cái lỗi mà tất cả những người hành hương bước vào. Họ làm đầy nó hết năm này đến năm khác. Ông ta lại dọn nhà đi mất với ma. Đó còn tệ hơn là đôi tất thối! Những người ngay thẳng trong xóm chúng tôi không phải như vậy: cha giấu bánh cho con, con giấu bánh cho cha.

Tâm sinh tử nơi tất cả chúng sinh
 Như thế đó là Đại Niết-bàn của Phật.
 Con gà mái gõ ngòi trên quan tài ấp trứng;
 Con ngựa cái hít gió nhẹ và phi nước kiệu
 về chuồng.

CHÚ THÍCH:

Những người ngay thẳng trong xóm chúng tôi không như thế. Khi nghe nói về một người ở xóm láng giềng gọi là Công (K'ung) ngay thẳng bởi vì ông ta làm nhân chứng chống lại cha mình khi cha ông ta ăn cắp cừu, Khổng Tử nói, “Trong xóm tôi, sự ngay thẳng có hơi khác. Cha che chở cho con, con che chở cho cha.” Dạy người học về đạt Niết-bàn cứu cánh có thể làm hại họ.

涅槃

Niết-bàn

Chư Phật ba đời đều y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa

Giữ lại một người tốt như thế này chỉ là hạ thấp y xuống. Da trần và xương đều tốt như thực. Chúng có sự thanh lịch và duyên dáng tự nhiên. Không cần nhét chúng bằng sơn và phấn. Không có chỗ nào lạnh trong cái nôi đang sôi.

Bát-nhã làm cha chư Phật ba thời;
Chư Phật ba giới diễn bày bát-nhã.
Sự hỗ tương bất tận của khách và chủ...

Onsoro!

Những con hạc kêu thét trong chiếc tổ cũ bị gió đập.

CHÚ THÍCH:

Vì trí tuệ của Phật bao gồm tất cả, nên không có gì còn lại để ngài tùy thuộc.

Sự hỗ tương bất tận của khách và chủ. Đây là một ẩn dụ về sự tương liên vô tận hiện hữu giữa tất cả các pháp. Con mắt giác ngộ của Phật thấy mỗi pháp trong các pháp ấy là sự thị hiện của chân lý tối hậu.

Onsoro là một đà-la-ni, hay thần chú, được cho là chứa

菩
提

Bồ-đề

thần lực. Trong Phật giáo Mật tông người ta niệm các *đà-la-ni* để đạt sự hợp nhất với Phật. Ở đây Bạch Ẩn dùng nó một cách tự do như một khẳng định tự phát (và không thể dịch được) về chân lý bát-nhã tối hậu không thể diễn tả được. Một nhà bình luận gọi nó là tiếng nói của chư Phật quá khứ, hiện tại, và vị lai thuyết giảng và diễn bày bát-nhã.

được đạo quả vô thượng, chánh đẳng, chánh giác.

Hãy thôi đóng đinh vào hư không đi! Một con bò đực thiên có thể sinh một con nghé con, nhưng không Phật nào giác ngộ do y theo bát-nhã. Vì sao? Bởi vì bát-nhã và giác ngộ vốn không-hai. Vả lại, nếu ngài còn có cái gì để được, ngài chẳng phải là Phật. Ấy giống như một đại hỏa hoạn bùng cháy. Nếu đến quá gần, các Phật và Tổ đều bị cháy đến chết, giống như mọi người khác.

Lũ rái cá sẽ bắt cá trên cây đã lâu trước khi
Một vị Phật giác ngộ nhờ y cứ vào một cái gì đó;
Và tuyên bố rằng Phật có một cái gì đó để đạt!
Kế tiếp nói với chúng ta về sự cực lạc vợ chồng của
các A-la-hán.

CHÚ THÍCH:

Kế tiếp nói với chúng ta về sự cực vợ chồng của các A-la-hán. A-la-hán là những người độc thân.

Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thảy khổ, chon thật không dối.



Bồ-tát Quan Âm

Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại thần chú,

Mức nước bán bên sông. Chớ lôi những cái bát sơn mài cũ nát đó ra đây! Sao chép một chữ ba lần và con quạ biến thành mô đất, rồi cuối cùng thành con ngựa [tam sao thất bản]. Ông ấy lại cố giấu chúng ta những món đồ xấu trong lòng bàn tay, giống như một ông chủ tiệm nhỏ tối tăm nào đó. Khi đi đêm, đừng dẫm lên bất cứ vật gì màu trắng; nếu không phải là nước, thường nó là cục đá.

Hãy áp ủ đại thần chú tự tánh của mình,
Nó biến hòn sắt nóng thành đề-hồ;
Thiên đường, địa ngục, và thế giới ngay đây
trên trái đất –
Một bông tuyết biến vào trong lò lửa sáng ngời.

CHÚ THÍCH:

Chớ lôi những cái bát sơn mài cũ nát đó ra đây! Ở một thánh địa trên núi nào đó ở Trung Hoa, những cái bát sơn mài người ta dùng cho các nghi lễ Đạo giáo bị ném vào dòng suối chảy xiết. Lúc trôi đến ngôi làng trong thung lũng phía dưới, chúng bị đập hư đến nỗi hoàn toàn vô dụng đối với dân làng.

Sao chép một chữ ba lần. Những chữ [Hán] chỉ “con quạ,” “ụ đất,” và “con ngựa” có hình dạng giống nhau. Khi các bản văn được sao chép rồi sao chép lại bằng tay, sao

chép lại thường nhầm chữ này với chữ kia, đôi khi thay đổi hoàn toàn nguyên nghĩa của bản văn [tam sao thất bản]. Sau khi giải thích tất cả, Bồ-tát Quán Tự Tại kết thúc với điều hoàn toàn khác hẳn với những gì ngài đã định nói. Tốt hơn ngài không nói gì cả.

Khi đi đêm, đừng dẫm lên bất cứ vật gì màu trắng. Di chuyển trong đêm tối (tượng trưng cho tánh không), ông ở trong cõi “không một vật hiện hữu,” [vô nhất vật], như thể bất cứ vật gì ông thấy cũng chỉ là ảo ảnh. Đừng chú ý đến nó, nó chỉ có hại cho ông thôi.

Hãy áp ủ đại thân chú tự tánh của mình. Khi ông lãnh hội bát-nhã bên trong ông qua kinh nghiệm *được biết* như là *thấy tánh* (kensho: kiến tánh), tất cả những khổ não chúng gây ra biến thành tự tại và an lạc viên mãn.

là đại minh chú,

Đừng nói “đại minh chú”! Hãy bẻ gãy cây gậy thô, không hình dáng và những khoảng rộng Bản Xứ Đen Ngòm vươn ra mọi phía của trái đất rộng lớn. Trời và đất mất tất cả sắc tướng. Mặt trời và mặt trăng nuốt chửng toàn bộ ánh sáng của chúng. Mực đen đổ vào cái nghiêng sơn mài đen.

Đại minh chú, tròn đầy nơi mọi chúng sinh,
Phóng tịch quang qua đời và sông thế gian.

Biển lớn mênh mông ngăn cách tội lỗi tuổi già
 của chúng ta biển mất
 Như bọt nước trên sóng, như tia nắng nơi mắt.

CHÚ THÍCH:

Cây gậy thô, không hình dáng là ẩn dụ tự ngã trong trạng thái tự nhiên của nó. Bạch Ẩn bảo người học quên đi những chữ như “đại minh chú” và tập trung vào việc khẩn cấp là nhận ra đại minh chú (bát-nhã) trong tự thể. Làm như vậy, tự ngã và mọi vật trong vũ trụ sẽ bị hủy diệt và chúng sẽ thấy chính mình trong sự tối đen hoàn toàn của cảnh giới giác ngộ vô phân biệt – nơi không một vật hiện hữu [vô nhất vật].

là vô thượng chú,

Quanh dưới các ngón chân của ông thì thế nào? Hãy mang cho tôi *vô hạ chú*! Tiếng mưa rơi đập trên lá thu rụng đang nức nở đến tận hồn, nhưng chúng làm sao có thể sánh với sự giàu sang huy hoàng và thâm mật của mây hoàng hôn phóng ánh sáng rực rỡ qua những cánh đồng lúa vàng?

Cái đẹp nhất, cái cao quý nhất, cái tốt nhất,
 Làm say mê ngay cả Thích-ca và Di-lặc.
 Dù tất cả có nó nơi mình ngay từ đầu,
 Mỗi mỗi phải chết và lại tái sinh.

CHÚ THÍCH:

Tiếng mưa rơi... lúa vàng. Cảnh thu u sầu miêu tả trong bài thứ nhất trong hai bài kệ này gợi lên sự vô thường của cuộc đời; bài thứ hai gợi lên niềm vui chân thật và tính huy hoàng tròn đầy của sự sống, mà chỉ biết được bằng cách tiến sang bên kia nhận thức về vô thường và sự chết (Tánh Không) vào cảnh giới giác ngộ của bát-nhã vô thượng (vô thượng chú). Dòng cuối cùng trong bài kệ của Bạch Ẩn, “Mỗi mỗi phải chết và lại tái sinh,” lặp lại ý này. Trong văn học Thiền, chữ “thâm mật” thường chuyển vận ý niệm nhất thể hơn là sự gần gũi.

là vô đẳng đẳng chú,

Nhảm nhí – Nhảm nhí. Toàn bộ cuộc nói chuyện này khiến cho hai cây cọc xuất hiện. Chuyện gì xảy ra cho cây cọc đơn độc? Nó ở đâu? Ai nói, “Không có bình đẳng ở bất cứ nơi nào trên, dưới, hay bốn phương?” *Hãy phá vỡ nó đi! Hãy đập nát nó thành những mảnh vụn!* Bao nhiêu lần cái khoan cũ Đức Vân (Teyun) leo xuống đỉnh Diệu Phong và thuê ông thánh già ngu ngốc giúp ông ta lấp đầy cái giếng bằng tuyết.

Mùa đông vừa qua mai lạnh cóng.

Mưa đập. Hoa bung!

Bóng nó do ánh trăng nhợt nhạt phóng xuống,

Mùi hương thơm dịu bông bênh trên gió

xuân êm nhẹ
 Hôm qua người chỉ là cái cây tuyết phủ,
 Hôm nay cảnh của người dính sao hoa!
 Ôi lạnh và khổ gì người đã chịu,
 Hỡi nữ hoàng đáng kính xứ hoa?

CHÚ THÍCH:

Đức Vân là vị Bồ-tát xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm và sau này trong văn học Thiền của Trung Hoa và Nhật Bản. Với tất cả những góc cạnh thô nhám của mình đã được mài giũa trơ tru qua những năm làm việc không ngừng, Đức Vân xuất hiện trước con mắt của người không giác ngộ không hơn gì một ông lão nhàn cư. Nhưng chỉ người nào từ bi và cam kết thâm sâu, đã đạt đến những độ cao giác ngộ không thể nói được (*Diệu Phong*), có khả năng trở lại thế gian và dấn thân vào hoạt động “ngu ngốc,” vô mục đích (lấp đầy giếng bằng tuyết) là: hiến mình cho việc làm vô tận trợ giúp những người khác đạt giác ngộ. Bạch Ẩn trách Bồ-tát Quán Tự Tại vì cố làm giảm thiểu bát-nhã ba-la-mật-đa đến mức của phân biệt thường tình. Như bài kệ của Bạch Ẩn ám chỉ, chỉ có thể lãnh hội nó, và thưởng thức những quả kỳ diệu của nó, qua những năm cần mẫn tu luyện.

hay trừ được hết thấy khổ,

Ngắt một củ hoa súng và tìm ruột của nó. Cạo một cây tre vuông làm nó tròn. Rút những lần chỉ của một tấm thảm Ba-tư. Chín lần chín bây giờ và luôn luôn là tám mươi mốt. Mười chín và hăm chín gặp nhau, nhưng không cái nào công hiến một tay.

Khi ông vượt qua sự trắc nghiệm về tâm và không
 Các *uẩn* và đại của ông tức khắc trở thành tro;
 Trời và đất là bàn ghế cũ gãy đổ;
 Phật giới và ma giới nổ tung vào quên lãng.
 Con chim vàng cười khúc khích những căng thẳng
 xuất thân của “Tuyết Trắng,”
 Con rùa đen khó nhọc leo lên ngọn hải đăng,
 thanh kiếm trong dây đai.
 Kẻ nào muốn nhập vào tam-mục của họ
 Phải chuẩn bị đồ những dòng sông mờ mờ có hình
 hạt chuỗi trắng.

CHÚ THÍCH:

Củ hoa súng không có ruột thật; nó là những cái chồi tạo thành.

Bồ-tát Quán Tự Tại nói Niết-bàn đạt được bằng cách loại bỏ đau khổ. Bạch Ẩn nói cố làm như thế thì giống như ném đá bé vào thùng nước tắm, y như đau khổ và niết-bàn không thể phân ly.

chơn thật không dối.

Nói láo! Ông ấy đang nói láo ngay nơi hàm răng đó. Mũi tên đã bay đi vùng bờ biển Trung Hoa. Ông xoa cùi chỏ với ông ấy suốt ngày dài. Làm sao ông giống ông ấy?

Yến Tử nước Tề (Ch'i) giết chết ba người gan dạ
 Tướng Chiang Tứ Xuyên khuất phục hai tướng
 dũng cảm.

Giả tiếng gà gáy khiến cho cọp dữ lẫn trốn;
 Treo đầu dê bán thịt chó.

Người chỉ con nai xem ai khuất phục;
 Đào Chu đưa mỹ nhân nước Việt đến chỗ chết;
 Chihsin tự đầu hàng với nhà cai trị đất Chu.

Người đàn ông ngủ dưới gầm cầu, ăn than;
 Cô gái khóc ở giếng vì cái kẹp tóc mà nàng ném
 xuống đó.

Xác chết của ông vua tìm đường vào lô cá chín;
 Chiếc răng mẻ của cha cắn đứt lỗ tai con.

Ban ngày đốt đường sạn đạo dọc theo vách núi,
 Ban đêm vượt qua bến Trần Thường (Ch'ents'ang).

Nếu ông nhìn thấu tâm điểm những cái này,
 Một thước thép phản chiếu như giá lạnh
 trong vỏ bọc.

CHÚ THÍCH:

Mỗi dòng trong mười bốn dòng của bài kệ ám chỉ một hồi theo truyền kỳ hay lịch sử Trung Hoa. Sự giả tạo hay

lừa dối đóng vai trò trung tâm trong mỗi hội, dù đa số trong các trường hợp nó được sự trung thành và lòng sùng mộ cho dấu hiệu. Bạch Ẩn tùy tiện ám chỉ các phương pháp thường làm sai lạc và xúc phạm mà các Thiền sư dùng khi họ cố gắng đẩy người học qua ngưỡng cửa vào giác ngộ.

Yến Tử (Master Yen) là tể tướng của nước Tề (Ch'i). Ông ta lập mưu loại bỏ ba cận thân trung thành mà sự ngang bướng và tự cho mình là chính đáng của họ là nguyên nhân của sự bất ổn không ngừng. Gọi họ đến, ông ta tặng họ hai trái đào, nhưng không người nào chấp nhận một trái nếu đó có nghĩa là phủ nhận nhau. Họ hoãn lui hoãn tới cho đến cuối cùng, để giải quyết tình trạng lưỡng nan, một người trong bọn họ tự tử. Những người kia, không làm được, cũng tự tử như vậy.

Được các tướng Chunghui [?] và Tengai [?] lãnh đạo, quân Ngụy (Wei) lao vào tấn công bất ngờ nước Thục (Shu) [Szechwan: Tứ Xuyên], và bắt chấp những nỗ lực dũng cảm của Tướng Chiang [?] xảo trá, đã khuất phục được các lực lượng của Thục. Vua Thục đầu hàng, và Chiang cũng bị bắt. Biết khả năng của Chiang, Chunghui cho ông ta làm cố vấn. Khi Tengai được vinh thăng vì những công lao của ông ta, Chiang cảm thấy sự bất mãn sâu xa của Chunghui đã thuyết phục ông ta vu cáo địch thủ với vua Ngụy (Wei). Vua Ngụy tin những điều đó và bỏ tù Tengai. Biết được rằng Chunghui có tham vọng muốn trở thành người cai trị đất Thục, Chiang xúi giục ông ta khởi loạn. Trong khi bảo đảm các trận đánh giữa vua Ngụy và

các lực lượng phản loạn, Chiang giết Tengai trong ngục, và sau đó cả hai, ông ta và Chunghui, biến mất vì phiên quân thua. Mặc dù không thể đánh bại Ngụy với tư cách là tư lệnh các lực lượng của Thục, như vậy Chiang cũng đã đưa hai viên tướng dũng cảm đến cái chết.

Vì các chính sách xâm lược của mình, Tần (Ch'in) sợ các nước láng giềng như là miền đất của *những con cạp dữ*. Hoàng đế nhà Tần, sau khi mời người khôn ngoan và can đảm là Mạnh Thường Quân (Meng Ch'angchun) phục vụ triều đình, quyết định mình không thể tin tưởng ông ta, và sẽ hành quyết ông ta nếu Mạnh không hồi lộ sủng thần của nhà vua để nói giúp bằng danh nghĩa của mình với lời hứa tặng chiếc áo quý bằng lông chồn trắng. Mạnh đã trình chiếc áo này lên nhà vua khi ông ta đến và bây giờ buộc phải ăn cắp nó trở lại và tặng nó cho vị phu nhân. Được cho phép ra đi, Mạnh khởi hành ngay trước khi vụ trộm có thể bị khám phá, đến biên giới lúc giữa đêm, với người của nhà vua đuổi gấp. Cửa ải không mở cho đến khi gà gáy lần đầu tiên, vì thế một trong những người theo Mạnh giỏi bắt chước tiếng chim kêu tạo ra âm thanh giống như tiếng gà trống gáy, và Mạnh có thể trốn thoát an toàn.

Dòng thứ năm ám chỉ vị hoạn quan tể tướng quyền lực, Triệu Cao (Chaokao). Biết ý xấu mà một vài người viên chức của mình làm phiền, Triệu Cao quyết định thử lòng trung thành của họ. Ông ta trình lên nhà vua một con nai và bảo rằng nó là con ngựa. Nhà vua chỉ cười, nhưng Triệu Cao khẳng định nó là con ngựa và yêu cầu các quan nói ra họ nghĩ nó là con gì. Một vài người đồng ý nó là con

ngựa, một vài người im lặng, và một ít người nói nó là con nai. Triệu Cao thăng chức những người đồng ý với mình và trừng phạt những người kia.

Một *kế mẫu*, muốn loại bỏ người con trai ưu ái của chồng, bắt một con ong lớn, rút bỏ cái vòi chích của nó, và đặt con ong trên mép áo của bà ta, biết rằng chồng mình đang nhìn từ đằng xa. Thấy con ong, người con trai cố phủi nó đi. Cha anh ta, nghĩ anh ta đang làm điều bất chính với người mẹ kế, giận dữ mắng nhiếc anh ta. Những phản đối vì vô tội của người con đều vô ích, và cuối cùng anh ta phải tự tử.

Đào Chu (T'ao Chu) là biệt hiệu của vị tể tướng nổi danh Phạm Lãi (Fanli). Khi nước Việt (Yueh) bị vua Ngô (Wu) đánh bại, các lực lượng của nước Việt đều bị bắt và giết chết. Vua Việt van xin lòng nhân từ, và mặc dù có sự cảnh báo của các quan cố vấn rằng ông ta có thể là mối nguy về sau, vua Ngô đã tha mạng cho ông ta. Vua Việt cuối cùng đã thuyết phục được vua Ngô về mối lo ngại và được cho phép trở về nước. Vua Việt trung thành phục vụ những lợi ích của nước Ngô và thường gửi những cống vật. Vua Ngô yên tâm, và tự buông mình vào cuộc sống suy đồi. Nhà vua bảo vua Việt gửi cho năm mươi mỹ nữ vào hoàng cung của mình, trong bọn họ có Tây Thi (Hsishi) (người đàn bà nước Việt), một trong những người đẹp nổi danh của lịch sử Trung Hoa. Vua Ngô dành hết thời gian của mình cho Tây Thi, chênh lệch việc triều chính, rơi vào suy đồi. Đào Chu, một cận thần trung thành của vua Việt, lúc ấy thuyết phục vua Việt rằng thời gian đã chín

muội để trả thù lần trước bị đánh bại. Các lực lượng của Việt diễn hành và đánh bại Ngô một cách tiện lợi. Vua Việt lấy Tây Thi làm thiếp, bắt chấp những tấm gương mà Đào Chu kể ra về những người đàn bà đẹp đã làm nước diệt vong. Trên đường trở về nước Việt, ở một địa điểm gọi là Thạch Hồ, Đào Chu đặt Tây Thi lên một chiếc thuyền, và đưa nàng đến giữa hồ, giải thích rằng vì nước mình sẽ giết nàng. Trước khi Đào Chu có thể giết nàng, Tây Thi tự ném mình xuống nước và chết đuối.

Khi vị hoàng đế thứ nhất của nhà Hán bị các lực lượng của nhà Chu (Ch'u) vây hãm và không có hy vọng trốn thoát, một vị tướng quân tên là Chihsin [?] nói vua Chu rằng vua của ông ta đã quyết định đầu hàng và sẽ tiến hành đến các dinh trại qua các cửa phía đông của thành. Binh sĩ nhà Chu tập hợp ở các cửa thành để nhìn thấy hoàng đế, nhưng Chihsin ngồi trong kiệu che kín, cho phép ông ta chạy thoát từ các cửa phía tây. Khi vua Chu khám phá ra mưu kế ấy đã cho thiêu Chihsin trên giàn hỏa.

Người đàn ông ngủ dưới gầm cầu là Dự Nhượng (Yuyang). Ông ta làm bồi thân cho Phạm Trung Hàng (Fan Chunghang), nhưng không được chủ nhân đánh giá cao, vì thế khi Phạm bị Trí Bá (Chihpo) lật đổ, Dự Nhượng hiến mình phục vụ Trí Bá. Trí Bá thích Dự Nhượng và ông ta trở thành người hầu cận thân tín. Khi Trí Bá bị Tương Tử (Hsiangtzu), người trị vì nước Triệu (Chao), giết, Dự Nhượng cố gắng hết lần này đến lần khác, trả thù đến chết mà không thành công. Cuối cùng, nuốt than và trét sơn mài lên mình để nguy trang như một người cùi, ông ta ở cùng

chỗ với những kẻ ngoài lề xã hội dưới gầm cầu và chờ ngày Tương Tử đi qua cầu. Nhưng cuối cùng khi Tương Tử đến, con ngựa của Tương Tử cảm thấy sự hiện diện của Dự Nhượng, khi đến gần cầu nó không chịu đi qua. Dự Nhượng, bị khám phá ra đang nằm đợi, bị tóm lấy. Tương Tử hỏi ông ta tại sao phục vụ cho kẻ ám sát người chủ đầu tiên của mình, bây giờ ông ta vẫn ôm lòng thù hận mãnh liệt như vậy. Dự Nhượng đáp rằng trong khi người chủ đầu tiên đã đối xử mình như một người tâm thương, Trí Bá luôn luôn đối xử ông ta bằng danh dự, và ông ta muốn đáp lại cùng cách ấy. Dự Nhượng cầu xin Tương Tử cho mình một mảnh vải áo như thế ông ta có thể hoàn thành lời thề của mình trước khi bị hành quyết. Khi được đưa cho cái áo khoát của Tương Tử, Dự Nhượng lấy kiếm đâm vào cái áo ba lần, nói, “Tôi sẽ trình lại việc này cho Trí Bá khi tôi gặp ngài ấy ở thế giới bên kia.” Rồi ông ta ngã vào thanh kiếm của mình và chết.

Houpai [?], kẻ trộm nổi tiếng, thấy cô gái trẻ đang buồn bã khóc bên một cái giếng khi anh ta đang trốn với những vật có giá trị đầy trên tay và dừng lại hỏi có chuyện gì không đúng. Cô gái bảo anh ta rằng cô đã đánh rơi cái kẹp tóc quý xuống giếng và chắc chắn bị phạt khi về nhà. Cảm thấy tiếc cho cô, Houpai cởi quần áo và leo xuống tìm cái kẹp tóc. Nhưng trong khi Houpai xuống giếng, cô gái, thực ra là Houhei [?], một kẻ trộm nổi tiếng khác, cũng đã trốn với những đồ đã ăn cắp được và quần áo của Houpai.

Triệu Cao (Chaokao), quan tể tướng tàn bạo đã xuất hiện trước kia trong câu chuyện về con ngựa và con nai,

tháp tùng vua nước Tần (Ch'in) đi săn thú xa kinh đô khi nhà vua chết một cách đột ngột. Muốn kiểm soát cuộc lựa chọn vị vua kế vị, Triệu Cao giữ bí mật cái chết của nhà vua và đem thi hài của vua về kinh đô trong một chiếc kiệu làm như vua còn sống. Sợ rằng mùi thối của tử thi có thể gây chú ý trên đường dài, ông ta dùng một lượng lớn cá khô đặt chung quanh cái xác để ngụy trang mùi thối. Chiến lược của ông ta có hiệu quả, và vua mới chỉ định ông ta làm thừa tướng.

Một người con trai cả ở phía tây Trung Hoa đánh cha của anh ta và làm gãy hai chiếc răng của cha. Người cha, nổi giận vì hành động bất hiếu này, quyết định truy tố người con. Hình phạt, nếu có tội, là chết. Người con, tìm lời khuyên của một người quen khôn lanh, sau một lúc suy nghĩ, ông ta bỗng nhiên đánh vào tai người con. Ông ta bảo rằng khi anh ta bị gọi đến trước quan tòa và yêu cầu giải thích hành động của mình, anh ta nên nói rằng răng của cha bị gãy là do cắn vào tai con trong cơn giận dữ. Dùng kế này, người con trốn được sự hành hình. Tuy nhiên trên đường về nhà, anh ta bị sét đánh chết.

Hai dòng kẻ (Ban ngày đốt và ban đêm vượt qua bến) [Minh tu sạn đạo, ám độ Trần thường] chỉ âm mưu lúc bắt đầu của triều đại nhà Hán. Hạng Vũ (Hsiangyu), sau khi lãnh đạo một cuộc phản loạn chống lại vua Tần đã xuất hiện như là lực lượng có quyền lực nhất trong nước. Ông ta tự tuyên bố mình là vua của nhà Tây Chu và chỉ định Lưu Bang (Liupang) làm người cai trị đất Hán. Biết Lưu Bang có tham vọng lớn, và cảm thấy bất an khi có Lưu Bang ở

gần mình, Hạng Vũ phái Lưu Bang đi đến đất Thục ở miền tây xa xôi. Chỉ trong trường hợp ông ta tiếp tục giữ quân đội của mình sẵn sàng chiến đấu. Trương Lương (Chang-liang), một cận thần của Hạng Vũ, đang bí mật làm việc cho Lưu Bang, khẳng định với Hạng Vũ rằng Lưu Bang không còn là mối đe dọa nữa. Trương Lương khuyên Hạng Vũ kiểm tra hai lần cho chắc con đường trống vắng mà Lưu Bang sẽ đi qua đã bị ông ta tấn công đốt cháy và trở thành không thể đi qua được. Khi đối thủ của mình đã bị nhốt một cách có hiệu quả bên trong vùng biên giới núi non hiểm trở của đất Thục, Hạng Vũ cuối cùng cảm thấy an toàn. Rồi Trương Lương gửi lời đến Lưu Bang rằng thời cơ tấn công đã ở trong tay. Lưu Bang, dùng con đường bí mật qua sông ở một nơi gọi là Trần Thường, tiêu diệt các đoàn quân của Hạng Vũ và tiếp tục lập nên đế quốc nhà Hán.

Vì vậy nói Chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa, liền nói Chú rằng: "Yết-đế, Yết-đế, Ba-la-yết-đế, Ba-la-tăng-yết-đế, Bô-đề Tát-bà-ha!"



Vì vậy nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa,

Ôi, ông đã làm gì cho đến bây giờ! Ấy giống như bảo người phản đối việc uống rượu cưỡng bức đổ rượu vào cổ họng ông. Ông không có được vị thật của rượu đổ vào hết ly này đến ly khác. Không thể trở về trọn mười năm, ông quên mất con đường đã đến.

Ông ta đã giảng một lần, bây giờ ông ta lại chạy nhanh!

Tuyệt mảnh mảnh tích tụ trên tuyệt mảnh mảnh.
Không chỗ nào ông có thể che giấu hay chạy trốn,
Vậy thì rượu ấy cho ai? Tất cả chúng ta đã say đến tận mang tai.

CHÚ THÍCH:

Không thể trở về trọn mười năm, ông quên mất con đường đã đến. Dòng này là một câu từ thơ của Hàn San (Hanshan). Sau mười năm tu tập, giác ngộ thâm sâu cho đến khi trở thành không còn dấu vết hay mùi của giác ngộ. Một nhà bình luận công hiến nhiều chi tiết hơn: Mười năm tiêu biểu cho mười thế giới, hay cõi, của chúng sinh (vũ trụ); tách rời mình khỏi các cõi này là trở thành Phật, không còn bị nghiệp lực của mười thế giới ảnh hưởng nữa. Đây là nghĩa thật của *ba-la-mật-đa*.

liền nói chú rằng:

Ông ta vẫn còn ở đó với nó! Lặp đi lặp lại mãi! Về những khúc ca của các tiểu phu thì thế nào? Những câu hò của ngư phủ thì sao? Chúng vào ở chỗ nào? Họa mi chiu chít và chim én liú lo thì thế nào? Khi ông vào nước, đừng là những bọt bóng lựa chọn từ các làn sóng.

Những cánh đồng ghệt cỏ trong những luống cày
bảy chữ,
Những lâu đài bằng lời trong những dòng năm
[chữ],
Không phải để cho mắt của những lão hòa thượng
sắt đá,
Tôi viết cho các ông, những ông tăng lạnh và đói ở
trong am;
Vì trừ phi các ông tìm được Đạo, và có thể tự
chuyển hóa,
Các ông còn sập bẫy và mắc kẹt cái trong hố không
đáy.
Đừng cố bảo tôi những bài kệ của tôi quá khó,
Hãy đối diện đi: vấn đề là tình trạng các ông không
có mắt.
Khi ông gặp một chữ mà ông không hiểu, hãy nhanh
chóng
Cắn nó tức thì! Hãy nhai nó ngay nơi tùy sống!
Một khi ông ướm đầm đến xương mồi hôi lạnh chết
người

Tất cả những công án mà Thiên có, bị giựt mạnh, rẽ và thân.

Với nhọc phiền, tôi cũng đã một lần thoáng thấy bờ mép,

Đập vỡ cái Cân cân bằng cán cân mù.

Một khi cái dụng cụ vô tri ấy bị tan tành tót,

Ông đầy ác liệt và can đảm của loài sư tử.

Thiên được phước bằng năng lực mang đến điều này,

Sao không dùng nó và qui về toàn bích?

Người ngày nay quay bỏ Thiên tựa như đồ dơ bẩn,

Ai ở đó tiếp tục mạch sống trí tuệ?

Ta không chỉ là ông lão thích làm thơ,

Ta muốn phấn khích những người cầu đạo, bất kể họ ở nơi đâu.

Bậc thượng nhân biết tức khắc mũi tên bay phương nào,

Những người khác chỉ phê bình vắn và điệu.

Tư Mã đòi Tống là chân hoàng tử giữa loài người,
Xấu hổ thay những con mắt giá trị như thế vẫn còn chưa mở.

Bất cứ khi nào đọc những công án khó vượt qua,
Ông ấy nói đó là những câu đố làm phiền những ông tăng trẻ;

Đối với những tội ác nghiêm trọng nhất người ta phải luôn luôn ăn năn sám hối.

Phỉ báng Pháp chắc chắn không phải là một tội nhỏ!

Những đám đông đê tiện này rất nhiều trên thế gian,
Phong cảnh Thiên có sự khô cằn ở bên kia tin tưởng,

Một khi ông lãnh ngộ được tâm Phật Tổ
 Làm sao ông có thể vẫn mù được với lời của họ?
 Để quyết định sự chứng đắc của ông đích thực
 như thế nào,
 Lời của các Tổ sư giống như gương sáng.
 Sự tu Thiền ngày nay tất cả chỉ là cả quyết và
 hời hợt,
 Họ theo lời của người khác, hay vọng tưởng
 của mình.
 Khi nghe nói và học sách vở làm thỏa mãn
 nhu cầu của họ,
 Những khu vườn Tổ vẫn còn cách xa triệu dặm.
 Tôi khẩn cầu các ông những bậc đại nhân, hãy quên
 đi phúc lợi của riêng mình!
 Hãy làm cho hoa Thiền năm cánh nở ra một lần nữa!

CHÚ THÍCH:

Những câu ca của tiểu phụ thì thế nào? Những câu hò của ngư phủ thì sao? Đối với con mắt giác ngộ thì tất cả sự vật đang thuyết giảng chú bát-nhã kỳ diệu. Tạo ra những phân biệt Bồ-tát Quán Tự Tại chỉ tạo ra nhân mê hoặc.

Cái Cân cân bằng cán cân mù là một cái cân không có khắc dấu hay chia độ trên cán cân thăng bằng. Nó là biểu tượng cho tâm hay tự ngã, nguồn gốc của vô minh, không có khả năng đo lường chính xác song những người không giác ngộ lấy nó làm căn bản cho những phân biệt của họ. Ở đây, nó có thể ám chỉ cái tâm đã đả thông vào thế giới tánh

không vô phân biệt mà bây giờ cũng phải siêu việt thế giới ấy.

Tư Mã (Ssuma) đời Tống (Sung) là chân hoàng tử giữa loài người. Học giả Khổng giáo nổi tiếng ở thế kỷ thứ mười một, Tư Mã Quang (Ssuma Kuang), thực tế không phải là người chống đối Phật giáo. Bạch Ẩn phê bình ông ta vì sự hướng dẫn sai do hiểu lầm hay trình bày sai lạc giáo lý Thiền trong các bài viết của ông ta.

Hoa Thiền năm cánh ám chỉ năm tông phái đã xuất hiện trong thời đại Hoàng Kim ở triều đại nhà Đường.

**"Yết-đế, Yết-đế, Ba-la-yết-đế,
Ba-la-tăng-yết-đế, Bò-đề Tát-bà-ha!"**

Phục vụ Người Quân Tử thì dễ. Làm ông ta hài lòng, là việc không thể. Một mảnh rắng đỏ xoay vòng giương cánh cùng với con hải âu trắng cô đơn; nước thu cùng một màu với bầu trời thu xa. Con mưa giật quét bầu trời, từ xóm nam sang xóm bắc. Cô dâu mới mang cơm trưa cho mẹ chồng ở ngoài đồng. Đứa cháu trai được miệng bà mớm từng miếng nhỏ.

Giờ là giữa đông, năm Diên Hưởng thứ nhất,
Học nhân của tôi tụ tập, khắc những lời này
lên gỗ (mỗi chữ mười *quan* tiền,
hơn hai ngàn tất cả!), họ muốn
bảo tồn những lời bập bẹ trong mộng của tôi.

Tôi đã thêm vào bài kệ cuối cùng này cho họ,
Tỏ lòng biết ơn đôi sự tử tế của họ.

Các bài kệ của tôi đã xong, tôi vỗ tay nguyện:
Dù hư không có đoạn, nhưng thế nguyện của tôi
vô cùng;

Bất cứ công đức nào sự tán thán bát-nhã này có thể
mang lại, tôi chuyển

Đến những người khác, hướng họ đến cõi chân như,
Ký thác mình cho chư Phật ba giới.

Cho chư Tổ và thánh hiền trong tất cả mười phương,

Cho mọi thiên, long, và thần hộ Pháp,

Và các thần ở Đất Cây Dâu Tằm;

Tôi nguyện rằng tất cả huynh đệ sống với tôi ở đây,

Quyết tâm của họ vững chắc, tâm của họ kim cương
kiên cố;

Sẽ di chuyển mau lẹ, phá vỡ qua bên kia rào cản,

Với viên ngọc giới luật mãi tròn và sáng

Trong tâm, quét sạch quỉ mê hoặc mọi thứ,

Và lợi ích không ngừng quần sinh đau khổ vô biên.



Bạch Ẩn – Chân dung tự họa

CHÚ THÍCH:

Yết-đế, Yết-đế, Ba-la-yết-đế, Ba-la-tăng-yết-đế,
Bồ-đề Tát-bà-ha!

Kinh kết thúc với thần chú này, được D. T. Suzuki miêu tả như là một xác định tự phát của giác ngộ xuất hiện từ nội thể của Bồ-tát Quán Tự Tại. Cách dịch thông thường là “Ồi Bát-nhã, đi qua, đi qua, đi qua đến bờ bên kia, đặt chân xuống bờ bên kia!” dù Thiên Quế Truyền Tôn (Tenkei Denson), một sư Tào Động thế kỷ mười bảy, chỉ ra rằng “bất cứ cố gắng áp dụng lý luận hay luận lý học nào ở đây cũng sẽ biến thần chú thành từ ngữ vô sinh khí.”

Phục vụ Người Quân Tử thì dễ. Làm ông ta hài lòng, là việc không thể. Bạch Ẩn tham chiếu câu nói này từ sách *Luận Ngữ* của *Không Tử* với Bồ-tát hay Thiên sư, bởi vì ông ta đối xử người ta bằng bi tâm theo khả năng của họ, là dễ phục vụ, nhưng bởi vì ông ta hoàn toàn không thiên lệch, không thể làm hài lòng được, trừ phi bạn hợp với Đạo.

Một mảnh ráng đỏ xoay vòng giương cánh cùng với con hải âu trắng cô đơn; nước thu cùng một màu với bầu trời thu xa. (Nguyên Hán văn đọc: Lạc hà dữ cô vụ tề phi, Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc). Các nhà bình luận dường như đồng ý rằng Bạch Ẩn dùng những dòng này của nhà thơ Vương Bột (Wang Bo) đời Đường biểu hiện sự liên hệ mật chú cuối cùng này có với phần kinh hiển giáo

mà Quan Âm đã thuyết trước kia: chúng khác nhau nhưng chúng là một, mỗi liên hệ tiếp tục với “luận lý học” của các kinh Bát-nhã.

*Con mưa giật quét bầu trời, từ xóm nam đến xóm bắc.
 Cô dâu mới đem con trư cho mẹ chồng ở ngoài đồng.
 Đứa cháu trai được miệng bà mớm từng miếng nhỏ.* Đây là lời dẫn từ nhà thơ cư sĩ Thiên Hoàng Đình Kiên (Huang Tingchien) đời nhà Tống được Bạch Ẩn dùng diễn đạt thực tại kỳ diệu hằng ngày của *bát-nhã ba-la-mật-đa*. Sugawara Jiho gọi nó là “tâm đạt xa nhất của Thiên, chú *bát-nhã ba-la-mật-đa* của riêng Bạch Ẩn.”

Năm Diên Hưởng (Enkyō) thứ nhất rơi vào năm 1744. Bạch Ẩn sáu mươi tuổi.

Đất Cây Dâu Tằm là tên thi ca của Nhật Bản.

TÂM KINH

Âm Hán-Việt:

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức. Vô nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nữ chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệt vô vô minh tận, nữ chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thực bất hư. Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú. Tức thuyết chú viết:

Yết-đế, yết-đế, Ba-la yết-đế. Ba-la-tăng yết-đế Bồ-đề tát-bà-ha."

Anh dịch của Norman Waddell:

GREAT WISDOM PERFECT HEART SUTRA

The Bodhisattva Free and Unrestricted Seeing practices deep wisdom paramita. At that time he clearly sees all five skandhas are empty and is delivered from all distress and suffering.

“Shariputra, form is no other than emptiness, emptiness is no other than form. Form is emptiness, emptiness is form. And it is the same for sensation, perception, conception, and consciousness. Shariputra, all things are empty appearances. They are not born, not destroyed, not stained, not pure; they do not increase or decrease. Therefore, in emptiness there is no form, no sensation, no perception, no consciousness; no eyes, ears, nose, tongue, body, mind; no form, sound, scent, taste, touch, dharmas; no realm of seeing, and so on to no realm of consciousness; no ignorance, no end of ignorance, and so on to no age and death, and no ending of old age and death; no pain, karma, extinction, Way; no wisdom, no attaining. As he has nothing to attain, he is a Bodhisattva. Because he depends upon the wisdom paramita, his mind is unhindered; as his mind is unhindered, he knows no fear, is far beyond all delusive thoughts, and reaches final nirvana. Because all Buddhas of past, present, and future depend upon the wisdom paramita, they attain highest enlightenment. Know therefore that the wisdom paramita is the great mantra, the great and glorious mantra, the

highest mantra, the supreme mantra, which is capable of removing all suffering. It is true. It is not false. Therefore, I preach the wisdom paramita mantra, preach this mantra and say: Gate Gate Paragate Parasamgate Bodhi Svaha!

Việt dịch:

Khi Bồ-tát Quán Tự Tại vào sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, lúc ấy ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách.

Này Xá-lợi-phất, Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Này Xá-lợi-phất, tướng không này của các pháp không sinh không diệt, không như không sạch, không tăng không giảm. Cho nên trong không, không có sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có hết vô minh; cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết. Không có khổ, tập, diệt, đạo; không có trí, cũng không có đắc, vì không có chỗ đắc nên ngài là Bồ-tát y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết-bàn.

Chư Phật ba đời đều y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa được đạo quả vô thượng, chánh đẳng, chánh giác. Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thảy khổ, chơn thật không dối.

Vì vậy nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa, liền nói chú rằng: "Yết-đế, Yết-đế, Ba-la-yết-đế, Ba-la-tăng-yết-đế, Bồ-đề Tát-bà-ha."

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM, VÀ DỊCH GIẢ

Thiền sư Bạch Ẩn (Hakuin Zenji, 1689-1769) là một trong tất cả những Thiền sư quan trọng nhất của Nhật Bản. Lời bình của sư về *Tâm Kinh* là một tác phẩm thuộc dạng kinh điển phản chiếu phong cách dạy sống động của sư, với sự cân bằng của trí tuệ cay độc và sự chiếu sáng thi ca của bản văn. Sự chế nhạo, lời nói chua cay, chửi mắng của Bạch Ẩn rất ráo được dẫn dắt bởi lòng từ bi tìm cách gỡ bỏ những giả định sai lầm của người học cho họ tự do thức ngộ ý nghĩa thâm sâu của *Tâm Kinh* cho chính họ. Bản văn được minh họa bằng thư pháp và những tranh vẽ bằng bút lông của chính Bạch Ẩn.

Norman Waddell là giáo sư thuộc bộ phận Nghiên Cứu Quốc Tế ở Đại Học Otani University ở Kyoto, Nhật Bản. Ông là dịch giả của các tác phẩm *The Essential Teachings of Hakuin* (Những Giáo Lý Cốt Tủy của Bạch Ẩn) và *Unborn: The Life and Teachings of Bankei* (Bất Sinh: Cuộc Đời và Tác Phẩm của Bàn Khuê), và là chủ bút của tạp chí *The Eastern Buddhist*.

THƯ MỤC

- *Zen Words for the Heart* (Dokugo Shingyō), translated by Norman Waddell, Shambhala Publications, Inc., MA, USA 1996.
- *Hakuin on Kensho: The Four Ways of Knowing*, edited and Commentary by Albert Low, Shambhala Publications, Inc., MA, USA 2006.
- *Poison Blossoms from a Thicket of Thorn* (Keisō Dokuzui), translated by Norman Waddell, Counterpoint CA, USA 2014.
- *The Essential Teachings of Zen Master Hakuin* (Sokkō-roku Kaien-fusetsu), translated by Norman Waddell, Shambhala Publications, Inc., MA, USA 1994.
- *Wild Ivy, The Spiritual Autobiography of Zen Master Hakuin*, translated by Norman Waddell, Shambhala Publications, Inc., MA, USA 1999.
- *Hakuin's Precious Mirror Cave*, translated by Norman Waddell, Counterpoint, CA, USA 2009.
- *Secrets of the Blue Cliff Record, commented by Hakuin and Tenkei*, translated by Thomas Cleary, Shambhala Publications, Inc. MA, USA 2000.
- *The Religious Art of Zen Master Hakuin*, edited and translated by Katsushiro Yoshizawa with Norman Waddell, Counterpoint, CA, USA 2009.
- *The Zen Master Hakuin: Selected Writings*, translated by Philip Yampolsky, Columbia University Press, USA 1971.
- *The Heart of Understanding, Commentary on the Prajanaparamita Heart Sutra*, by Thich Nhat Hanh, Parallax Press, CA, USA 1988.
- *The Heart Sutra, A Comprehensive Guide to the Classic of Mahayana Buddhism*, by Kazuaka Tanahashi, Shambhala Publications, Inc., CO, USA 2016.
- *The Heart Attack Sūtra, a new commentary on the Heart Sūtra*, by Karl Brunnhölzl, Snow Lion, MA, USA 2012.
- *The Heart Sutra*, translation and Commemntary by Red Pine, Shoemaker & Hoard, A Division of Avalon Publishing Group Inc., USA 2004.

- *Zen Chants, Thirty-five Essential Texts* with Commentary by Kazuaki Tanahashi, Shambhala Publications, Inc., MA, USA 2015.
- *Treasury of the True Dharma Eye, Zen master Dogen's Shobo Genzo*, translated by Kazuaki Tanahashi et al, Shambhala publications, Inc., MA, USA 2012.
- *Zen Dust: The History of Koan and Koan Study in Rinzai Zen*, by Isshū & Ruth Fuller Sasaki, Quirin Press, Melbourn University, Australia 2015.
- *The Collected Songs of Cold Mountain* by Han-shan, translated by Red Pine, Copper Canyon Press, WA, USA 2000.
- *The Diamond Sutra, Text and Commentaries translated from Sanskrit and Chinese* by Red Pine, published by Conterpoint, NY, USA 2001.
- *The Large Sutra on Perfect Wisdom*, translated and edited by Edward Conze, published by University of California Press, CA, USA 1975.
- *The Perfection of Wisdom in Eight Thousand Lines & Its Verse Summary*, translated by Edward Conze, published by Four Seasons Foundation, CA, USA 1995.
- *Confucius: Confucian Analects, The Great Learning & The Doctrine of the Mean*, translated by James Legge, Clarendon Press, Oxford, UK 1971.
- *Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Tập I, II, & III*, Thích Trí Tịnh dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, CA, USA 1989.
- *Luận Đại Trí Độ Tập 1-9*, Bồ-tát Long Thọ, Thích Trung Quán dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, CA, USA 1990-1993.
- *Chư Kinh Tập Yếu*, Đoàn Trung Còn dịch, Nguyễn Minh Hiền và Nguyễn Minh Tiến hiệu đính, Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, Việt Nam 2003.
- *Tứ Thư: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử*, Đoàn Trung Còn dịch, nhà xuất bản Thuận Hóa, Việt Nam 2000.
- *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, Nguyễn Tôn Nhan dịch, Nhà xuất bản Thanh Niên, Việt Nam 1999.